# PHẦN MỘT

## Thứ tư, ngày 5 tháng Mười một năm 1980

### NGƯỜI TUYẾT

Hôm ấy là ngày tuyết bắt đầu rơi. Lúc mười một giờ sáng, những bông tuyết lớn xuất hiện trên bầu trời không màu và lan khắp cánh đồng, vườn tược và bãi cỏ ở Romerike như hạm đội đến từ ngoài vũ trụ. Lúc hai giờ, xe ủi tuyết đã có mặt trên những con đường ở Lillestrøm, và đến hai rưỡi, Sara Kvinesland thận trọng lái chiếc Toyota Corolla SR5 chầm chậm đi qua những căn nhà riêng tại Kolloveien, tuyết tháng Mười một trải ra như tấm chăn tơ lông vịt phủ lên miền quê đang dần lùi lại phía sau.

Cô nghĩ những ngôi nhà này trông thật khác dưới ánh sáng ban ngày. Sự khác biệt lớn đến nỗi suýt nữa cô đi quá lối xe ra vào ở nhà anh. Cô đạp thắng khiến chiếc xe dừng kít lại, một tiếng rên rỉ ở ghế sau vọng đến tai cô. Qua gương chiếu hậu, cô trông thấy vẻ mặt cau có của cậu con trai.

“Sẽ không lâu đâu, con yêu,” cô nói.

Trước gara có một mảng nhựa đường đen lớn giữa một màu trắng toát bao la, cô nhận ra chiếc xe tải chuyển đồ đã đỗ ở đây. Cổ cô chợt nghẹn lại. Cô hy vọng mình không đến quá muộn.

“Nhà ai vậy mẹ?” Câu hỏi cất lên từ phía sau.

“Nhà người quen của mẹ ấy mà,” Sara đáp và soi mình vào gương theo phản xạ để kiểm tra lại đầu tóc. “Mười phút thôi cưng. Mẹ sẽ để chìa khóa trong ổ khóa điện cho con nghe đài.”

Không đợi trả lời, cô ra khỏi xe, lê bước trên đôi giày trơn trượt đến trước ngưỡng cửa cô từng đi qua bao lần, nhưng chưa lần nào giống như thế này, giữa ban ngày, phơi bày trước ánh mắt soi mói của hàng xóm. Chẳng phải là mấy chuyến thăm nhà lúc tối muộn sẽ có vẻ trong sáng hơn gì, nhưng vì lý do nào đó mấy chuyện kiểu này phù hợp hơn khi diễn ra lúc màn đêm buông xuống.

Sara nghe thấy tiếng chuông cửa rì lên trong nhà, như tiếng ong nghệ trong hũ mứt. Nỗi tuyệt vọng mỗi lúc một tăng lên, cô đưa mắt nhìn những ô cửa sổ các nhà xung quanh. Chúng không tiết lộ cho cô biết điều gì, chỉ phản chiếu hình ảnh những cây táo đen trụi lá, bầu trời xám xịt và mặt đất trắng sữa. Rồi cuối cùng cũng có tiếng bước chân vang lên phía bên kia cánh cửa và cô thở phào nhẹ nhõm. Trong chốc lát, cô đã vào trong nhà và lao vào vòng tay anh.

“Anh đừng đi,” cô nói, tiếng nức nở bị kìm nén khiến cổ cô nghẹn lại.

“Anh phải đi,” anh đáp bằng giọng đều đều cho thấy sự kiềm chế anh đã chán phải giữ từ lâu lắm rồi. Còn đôi tay anh lại đang lần theo những lối mòn quen thuộc chúng không bao giờ biết chán.

“Không đúng,” cô thì thầm vào tai anh. “Là anh muốn thế thì có. Anh không dám tiếp tục nữa.”

“Việc này không liên quan gì đến chuyện em và anh.”

Cô nghe thấy sự bực bội bắt đầu len lỏi trong giọng nói của anh cùng lúc bàn tay anh, mạnh mẽ nhưng dịu dàng, lướt dọc sống lưng cô và luồn vào bên trong cạp váy và quần tất. Cả hai như đôi vũ công nhà nghề đã hiểu rõ từng cử động, từng bước chân, từng hơi thở và nhịp điệu của nhau. Ban đầu là những lần ái ân trong sáng. Sung sướng. Sau đó cuộc vui nhuốm màu đen tối. Đớn đau.

Tay anh xoa lên áo khoác của cô, lần tìm đầu nhũ hoa dưới lớp vải dày. Hai đầu nhũ hoa ấy luôn có sức hút lạ kỳ đối với anh, luôn khiến anh phải tìm đến. Có lẽ vì chúng là thứ mà anh không có.

“Em đỗ xe trước gara à?” anh hỏi và xoắn mạnh một cái.

Cô gật, cảm thấy cơn đau vụt truyền lên đầu như thể bị mũi tên nhục cảm bắn trúng. Phần nữ tính trong cô đã mở sẵn để chờ những ngón tay sẽ sớm lần vào. “Con trai em đang đợi trong xe.”

Bàn tay đột ngột khựng lại.

“Nó không biết gì đâu,” cô rên rỉ, cảm thấy tay anh đang do dự.

“Thế còn chồng em? Lúc này hắn ở đâu?”

“Vậy chứ anh nghĩ anh ta ở đâu? Dĩ nhiên là đang đi làm rồi.”

Giờ thì đến lượt cô thấy khó chịu. Thứ nhất là vì hai người đang nói chuyện mà anh lại nhắc tới chồng cô và hễ nói đến anh ta là cô khó lòng tránh khỏi cảm giác bực bội, thứ hai, thân thể cô đang bức thiết cần có anh ngay lúc này. Sara Kvinesland đưa tay kéo khóa quần của anh.

“Đừng…” anh lên tiếng, tóm lấy cổ tay cô. Cô giơ tay kia giáng cho anh một cái tát nảy lửa. Anh nhìn cô bằng ánh mắt kinh ngạc khi vết đỏ lan ra trên má. Cô mỉm cười, túm lấy một mớ tóc đen dày và kéo mặt anh xuống gần mình.

“Anh đi cũng được,” cô rít lên. “Nhưng phải xong việc với tôi cái đã. Hiểu chưa?”

Cô cảm thấy hơi thở của anh mơn man trên má. Nhịp thở đã trở nên gấp gáp. Cô lại vung tay cho anh một cái tát nữa, còn tay kia vẫn nắm lấy vật đàn ông đang cương lên dần.

Những cú thúc của anh càng lúc càng mạnh, nhưng tất cả đã chấm dứt. Toàn thân cô tê liệt, cảm giác tuyệt diệu đã qua, sự căng thẳng cũng tan biến, chỉ còn lại nỗi tuyệt vọng. Cô sắp mất anh rồi. Lúc này đây, nằm trên chiếc giường này, cô đã mất anh rồi. Bao nhiêu khao khát suốt những năm qua, bao giọt nước mắt đã rơi vì anh, những việc liều mạng anh bắt cô làm. Thế mà đổi lại cô có được gì đâu. Ngoài một thứ duy nhất.

Anh đứng ở phía cuối giường làm tình với cô trong lúc mắt vẫn nhắm nghiền. Sara trân trân nhìn vào ngực anh. Hồi đầu cô cảm thấy lạ lẫm, nhưng rồi dần dần cô lại thích thú trước làn da trắng trên lồng ngực nhẵn thín. Nó khiến cô nhớ đến những bức tượng cổ xưa với phần núm vú bị bỏ đi để công chúng không phải e ngại khi chiêm ngưỡng.

Những tiếng rên mỗi lúc một lớn. Cô biết không lâu nữa anh sẽ bật ra tiếng gầm dữ dội. Cô rất thích âm thanh ấy. Đó là cách anh biểu lộ sự ngạc nhiên không bao giờ vơi cạn, cảm giác đê mê, gần như đau đớn, như thể mỗi cơn cực khoái đến với anh đều tuyệt vời hơn cả kỳ vọng hoang đường nhất. Cô đang đợi tiếng gầm sau cuối, lời từ biệt âm vang để chia tay căn phòng ngủ lạnh căm bé như hũ nút đã bị tước bỏ tất cả tranh ảnh, mành rèm, thảm sàn. Rồi sau đó anh sẽ mặc đồ và du hành đến một vùng đất nào khác của đất nước nơi mà, theo lời anh, anh nhận được lời mời làm việc không thể từ chối. Nhưng còn chuyện này anh lại có thể từ chối. Chuyện này đây. Ấy thế mà anh vẫn có thể gầm lên trong niềm thống khoái.

Hai mắt cô khép lại. Nhưng tiếng gầm ấy không xuất hiện. Anh đã dừng lại.

“Sao thế anh?” cô hỏi và mở mắt ra. Vẻ mặt anh đúng là đang méo mó, chỉ có điều không phải vì khoái cảm.

“Một khuôn mặt,” anh thì thào.

Cô giật mình. “Đâu?”

“Ngoài cửa sổ.”

Cửa sổ nằm ở phía bên kia giường, ngay trên đầu Sara. Cô nhỏm dậy và xoay người lại, cảm thấy anh trượt ra khỏi cơ thể mình, mới đó mà đã mềm rũ. Từ chỗ cô nằm, cửa sổ phía trên đầu được đặt quá cao trên tường nên cô không nhìn ra được. Và quá cao cho bất kỳ ai đứng ngoài nhòm vào trong. Do mặt trời đã bắt đầu xế bóng nên cô chỉ trông thấy cái bóng của chiếc đèn trần lồng vào hình ảnh in trên tấm kính.

“Anh thấy mặt anh đó,” cô nói, như bào chữa.

“Lúc đầu anh cũng tưởng thế,” anh đáp, mắt vẫn dán vào cửa sổ.

Sara quỳ dậy. Bật lên và nhìn ra vườn. Và kia, đúng là có một khuôn mặt thật.

Cô phá lên cười nhẹ nhõm. Khuôn mặt đó màu trắng, cặp mắt và cái miệng được làm từ mấy viên sỏi đen, chắc là sỏi ở lối xe ra vào. Còn đôi cánh tay là hai cành táo nhỏ.

“Trời ơi,” cô thở hổn hển. “Chỉ là người tuyết thôi mà.”

Thế rồi tiếng cười bỗng hóa thành những giọt lệ; cô cứ thế nấc lên trong tuyệt vọng cho tới khi cô cảm thấy vòng tay anh ôm lấy mình.

“Em phải về thôi,” cô nức nở nói.

“Ở lại thêm một lát đi,” anh bảo.

Vậy là cô ở lại bên anh thêm một lát.

Khi bước tới gần gara cô mới biết gần bốn mươi phút đã trôi qua.

Anh đã hứa thỉnh thoảng sẽ gọi điện cho cô. Anh vốn là kẻ nói dối rất tài, nhưng lần này điều đó lại làm cô vui. Chưa ra đến xe cô đã thấy cậu con trai với gương mặt nhợt nhạt đang nhìn mình chằm chằm từ ghế sau. Cô kéo cửa xe và ngỡ ngàng nhận ra cửa bị khóa. Cô ghé mắt nhìn đứa con qua tấm kính mờ đi vì hơi ẩm. Phải đến khi cô gõ lên kính xe thì thằng bé mới chịu mở cửa.

Sara ngồi vào ghế lái. Radio đã tắt, trong xe lạnh căm. Chìa khóa nằm lăn lóc trên ghế phụ. Cô quay sang nhìn con. Khuôn mặt nó tái nhợt, môi dưới run run.

“Có gì không ổn hả con?” cô hỏi.

“Có,” nó đáp. “Con nhìn thấy nó.”

Giọng nói ẩn chứa âm điệu mong manh, chói tai của nỗi khiếp đảm đã lâu lắm rồi cô không nghe thấy kể từ hồi nó còn là cậu bé bị kẹp giữa hai người lớn trên chiếc sofa trước màn hình ti vi, hai tay bịt chặt lấy mắt. Giờ đây chất giọng ấy đang dần biến đổi, thằng bé không còn ôm cô chúc ngủ ngon mỗi đêm, nó bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến xe hơi và tụi con gái. Một ngày nào đó nó sẽ lên xe với một con bé trong số đó và rời bỏ cô thôi.

“Con nói vậy là sao?” cô hỏi, cắm chìa khóa vào ổ và khởi động xe.

“Người tuyết…”

Động cơ không có phản ứng, nỗi hốt hoảng đột ngột trào dâng trong cô. Thế nhưng lo sợ điều gì thì chính bản thân cô cũng không rõ. Cô đưa mắt nhìn ra ngoài qua kính chắn gió và xoay chìa khóa một lần nữa. Ắc quy hỏng rồi chăng?

“Người tuyết đó trông thế nào?” cô hỏi, đạp chân ga hết cỡ và tuyệt vọng vặn chìa khóa mạnh đến nỗi tưởng như sắp bẻ gãy nó đến nơi. Câu trả lời của thằng bé bị tiếng động cơ vang rền át mất.

Sara vào số xe rồi nhả khớp ly hợp như thể tức tốc muốn rời đi. Bánh xe xoay tròn trong lớp tuyết ướt mềm. Cô đạp chân ga mạnh hơn, nhưng phần đuôi xe bỗng ngoặt sang bên. Lúc này chiếc xe đã ra tới vỉa hè và lao về phía trước, bánh xe trượt xuống lòng đường.

“Bố đang đợi mẹ con mình đấy,” cô nói. “Chúng ta về thôi.”

Cô bật radio và vặn tiếng to lên, dùng âm thanh thay cho tiếng nói của mình để lấp đầy khoảng không lạnh lẽo trong xe. Lần thứ một trăm trong ngày hôm nay phát thanh viên thông báo tin tức Ronald Reagan đã đánh bại Jimmy Carter trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.

Thằng bé lại nói câu gì đó, cô đưa mắt nhìn qua gương chiếu hậu.

“Con bảo gì cơ?” cô hỏi lớn.

Nó nhắc lại một lần nữa, nhưng cô vẫn không nghe ra. Cô giảm âm lượng radio xuống trong lúc cho xe chạy ra đường cái và con sông, nằm vắt qua miền quê tựa như hai dải băng tang u buồn. Cô giật mình khi thấy thằng bé chồm người tới lách qua chỗ trống giữa hai ghế trước. Giọng nó chẳng khác nào tiếng thì thầm khô khốc bên tai cô. Như thể nhất định không để người nào khác nghe thấy.

“Chúng ta sắp chết rồi.”

## Ngày 2 tháng Mười một năm 2004

### MẮT SỎI

Harry Hole giật mình bừng mở mắt. Căn phòng rét căm và từ trong bóng tối vọng đến tiếng nói đã khiến anh thức giấc. Tiếng nói ấy thông báo rằng ngày hôm nay người dân Mỹ sẽ quyết định liệu cương vị tổng thống cho bốn năm tới đây có tiếp tục thuộc về George Walker Bush nữa hay không. Tháng Mười một. Harry nghĩ bọn họ chắc chắn bước vào thời kỳ đen tối rồi. Anh hất chăn ra và đặt chân xuống sàn. Lớp vải lót sàn lạnh tê tái. Anh để mặc cho chiếc radio đi kèm đồng hồ báo thức ra rả đọc tin và bước vào phòng tắm. Anh soi mình trong gương. Tháng Mười một cũng đang hiện diện ở đây: phờ phạc, xám xịt, u ám. Và vẫn như mọi khi, mắt anh đỏ ngầu, lỗ chân lông trên mũi chẳng khác gì những hố thiên thạch to tướng đen sì. Hai bọng bên dưới cặp mắt xanh đã nhạt, do uống rượu lâu năm, sẽ biến mất sau khi cái mặt anh được chăm chút bằng nước nóng, khăn tắm và bữa sáng. Đúng hơn là anh nghĩ thế. Harry không chắc mặt mình sẽ phơi ra kiểu gì trong suốt một ngày dài khi giờ đây anh đã bước sang tuổi bốn mươi. Liệu rằng những nếp nhăn có giãn ra và vẻ thanh thản có khỏa lấp đi nét hoảng hốt luôn hiện hữu khi anh thức dậy sau những đêm bị ác mộng giày vò. Mà những đêm như thế thì nhiều lắm. Anh luôn tránh soi gương kể từ lúc rời khỏi căn hộ nhỏ, khắc khổ trên phố Sofies để hóa thân thành thanh tra Harry Hole của Đội Hình sự thuộc Sở Cảnh sát Oslo. Thế rồi khi nhìn những gương mặt khác để tìm những nỗi đau, những gót chân Achilles, những cơn ác mộng, động cơ và lý do để dối gạt chính mình; lắng nghe bao lời dối trá nhàm chán thốt ra từ miệng họ và cố kiếm tìm một ý nghĩa nào đó trong công việc anh làm: bỏ tù những kẻ vốn đã tự giam hãm trong nhà tù của chính họ. Nhà tù của oán hận và khinh miệt bản thân mà anh có thể nhận ra quá ư dễ dàng. Anh đưa tay vuốt mái tóc vàng húi cua, khoảng cách từ đó cho đến lòng bàn chân đang tê cóng của anh bằng đúng 1m92. Xương quai xanh gồ lên dưới da hệt như móc treo áo. Kể từ khi phá xong vụ án lần trước anh đã luyện tập rất chăm. Đến mức điên cuồng, có người nhận xét thế. Ngoài đạp xe anh bắt đầu đẩy tạ trong phòng tập nằm ở tầng dưới cùng của Sở Cảnh sát. Anh thích các cơn đau buốt và những ý nghĩ bị áp chế. Dù sao đi nữa, anh trở nên gọn gàng hơn. Mỡ tiêu đi và cơ luồn dưới lớp da và xương. Dù trước đây anh sở hữu bờ vai rộng và theo lời Rakel thì đúng là một vận động viên bẩm sinh, giờ đây ở anh bắt đầu xuất hiện những nét tương đồng với chú gấu Bắc Cực bị lột da trong bức ảnh anh từng xem: một thú săn mồi vạm vỡ, nhưng thiếu sức sống khủng khiếp. Nói đơn giản, anh đang ngày một héo hon. Nhưng điều ấy cũng đâu có gì quan trọng. Harry thở dài. Tháng Mười một. Rồi đây sẽ còn đen tối hơn nữa.

Anh đi vào bếp, uống một ly nước nhằm làm dịu cơn đau đầu và ghé mắt nhìn qua cửa sổ rồi ngỡ ngàng. Nóc tòa nhà phía bên kia phố Sofies đã biến thành một màu trắng toát và ánh sáng phản xạ chói lóa khiến mắt anh nhức nhối. Đợt tuyết đầu mùa đã xuất hiện trong đêm. Anh chợt nghĩ đến lá thư nọ. Thỉnh thoảng anh cũng nhận được thư từ kiểu như vậy, nhưng lá thư ấy lại rất đặc biệt. Trong thư có nhắc đến Toowoomba.

Radio bắt đầu phát một chương trình về tự nhiên và một giọng đang hứng khởi giới thiệu về loài hải cẩu. “Hằng năm, cứ đến hè là hải cẩu Berhaus lại đổ về eo biển Bering để kết đôi. Do hải cẩu đực luôn chiếm số lượng áp đảo nên cuộc tranh giành bạn tình diễn ra khốc liệt đến nỗi, con đực nào may mắn giành được con cái đều phải kè kè bên cạnh bạn tình trong suốt mùa giao phối. Hải cẩu đực sẽ chăm sóc bạn tình cho đến khi con non chào đời và đủ khả năng tự lập. Chúng ở lại không phải vì yêu thương bạn tình, mà vì chúng yêu bộ gen và vật chất di truyền của bản thân. Học thuyết của Darwin cho rằng chọn lọc tự nhiên mới là yếu tố quyết định chế độ một vợ một chồng của loài hải cẩu Berhaus, chứ không phải đạo đức.”

Hay thật, Harry nghĩ thầm.

Sự phấn khích khiến giọng nói trên radio bỗng chuyển tông the thé. “Nhưng trước khi rời khỏi eo Bering để quay về biển tìm thức ăn, hải cẩu đực sẽ tìm cách giết chết hải cẩu cái. Tại sao? Nguyên nhân là do hải cẩu Berhaus cái không bao giờ giao phối hai lần với cùng một con đực! Đối với chúng, làm vậy là nhân rộng nguy cơ tiềm ẩn trong vật chất di truyền, điều tương tự cũng đúng với thị trường chứng khoán. Với hải cẩu cái, việc giao phối không trùng lặp là hoàn toàn hợp lý về mặt sinh học, và hải cẩu đực cũng nhận thức được điều đó. Nếu giết chết hải cẩu cái, hải cẩu đực có thể ngăn chặn con của những đối thủ khác giành mất thức ăn của con mình.

“Nhân nói đến học thuyết Darwin, tại sao con người chúng ta lại không có được tư duy như của loài hải cẩu nhỉ?

“Thực ra là có đấy! Xã hội loài người ngày nay cũng như trước đây không hề tuân thủ nghiêm ngặt chế độ một vợ một chồng như chúng ta vẫn tưởng. Một nghiên cứu gần đây của các nhà khoa học Thụy Điển cho thấy, có từ mười lăm đến hai mươi phần trăm trẻ em ra đời không phải là con đẻ của bố chúng như chúng vẫn tưởng, nhưng cả hai bên đều không hay biết. Những hai mươi phần trăm! Tỷ lệ một trên năm! Những đứa trẻ phải sống trong sự lừa dối. Và đảm bảo cho sự đa dạng sinh học.”

Harry xoay núm dò radio để tìm kênh âm nhạc nào dễ nghe một chút. Anh dừng lại ở phiên bản Desperado cũ rích của giọng ca Johnny Cash.

Tiếng gõ cửa vang lên đanh gọn.

Harry vào phòng ngủ, mặc quần jean rồi trở ra sảnh và mở cửa.

“Harry Hole?” Bên ngoài là một người đàn ông mặc bộ đồ bảo hộ màu xanh, nhìn Harry qua cặp kính dày cui. Mắt anh ta sáng như mắt trẻ con.

Harry gật đầu.

“Anh có bị nấm không?” Người đàn ông hỏi câu này với vẻ mặt hoàn toàn nghiêm túc. Một vạt tóc lưa thưa vắt ngang trán và dính lại trên đó. Kẹp dưới cánh tay anh ta là một tập bìa hồ sơ bằng nhựa với tờ giấy in chữ chi chít.

Harry chờ đợi anh ta giải thích rõ hơn, nhưng người đó không nói gì thêm, vẫn giữ nguyên vẻ thành thực, cỏi mở ấy.

“Đúng ra mà nói thì,” Harry nói, “đó là chuyện riêng của tôi.”

Người đàn ông nở nụ cười như có như không để đáp lại trò đùa hẳn đã nghe đến phát chán. “Nấm ở trong nhà anh. Mốc ấy.”

“Tôi không có lý do gì để tin rằng nhà mình có thứ ấy,” Harry nói.

“Vấn đề của nấm mốc chính là ở chỗ đó. Hiếm khi có dấu hiệu rõ ràng cho thấy sự hiện diện của chúng.” Anh ta hít một hơi qua kẽ răng và nhún gót chân.

“Nhưng?” cuối cùng Harry đành hỏi.

“Nhưng có đấy.”

“Anh dựa vào cái gì mà dám khẳng định như vậy?”

“Hàng xóm nhà anh bị rồi.”

“Vậy hả? Thế là anh nghĩ chúng lây lan sang nhà tôi?”

“Nấm mốc không lây lan. Nhưng [mục khô](file:///D:\Ebook-Center\Người%20Tuyết.docx#Muc_kho_la_hien_tuong_muc_go_hay) thì có.”

Mục khô là hiện tượng mục gỗ hay loại nấm làm mục gỗ tấn công thành phần xenlulô của gỗ, làm cho gỗ trở nên sẫm màu và bở vụn ra.

“Thì sao…?”

“Hệ thống thông khí trong tường của tòa nhà bị lỗi kết cấu. Lỗi này khiến mục khô phát triển rất nhanh. Tôi có thể ngó qua bếp nhà anh được không?”

Harry đứng tránh sang một bên. Người đàn ông hăm hở đi vào bếp, vừa đến nơi, anh ta lập tức áp một thiết bị màu cam gần giống máy sấy tóc lên tường. Nó phát ra hai tiếng kin kít.

“Máy đo độ ẩm,” anh ta nói và chú mục đọc gì đó, hẳn là chỉ số của máy. “Tôi đoán không sai. Anh chắc chắn không trông thấy hoặc ngửi thấy mùi gì khác thường ư?”

Harry không rõ lắm cái sự khác thường mà anh ta nói tới có thể là gì.

“Như là một lớp phủ trên bề mặt bánh mì chua,” anh ta nói. “Hay mùi mốc meo chẳng hạn.”

Harry lắc đầu.

“Anh có bị đau mắt không? Thấy mệt? Đau đầu?”

Harry nhún vai. “Dĩ nhiên. Tôi bị từ lâu lắm rồi.”

“Ý anh có phải là từ khi sống tại đây?”

“Cũng có thể. Nhưng mà này…”

Người đàn ông không thèm nghe, anh ta rút một con dao giắt ở thắt lưng ra. Harry lùi lại, nhìn bàn tay cầm dao vung lên và thọc một cú thật lực. Âm thanh phát ra nghe như tiếng rên rỉ khi lưỡi dao xuyên qua lớp thạch cao phía sau bức tường. Anh ta rút dao ra và đâm thêm lần nữa, sau đó bẻ đi một miếng thạch cao đầy bột, để lại khoảng trống toang hoác trên tường. Tiếp đó, anh ta lấy ra chiếc đèn pin dạng bút nho nhỏ và chiếu vào trong khoảng trống. Hàng lông mày phía sau cặp kính quá khổ nhíu lại. Rồi anh ta chúi mũi vào sâu bên trong và hít ngửi.

“Phải rồi,” anh ta nói. “Chào tụi bây.”

“Chào ai cơ?” Harry hỏi và nhích tới gần.

“Aspergillus,” anh ta đáp. “Tên gọi của một chi nấm mốc. Trong chi này có đến ba, bốn trăm loài cho chúng ta tha hồ chọn, khó mà xác định được là loài nào vì chúng phát triển thành lớp quá mỏng, gần như vô hình trên bề mặt cứng này. Nhưng còn mùi thì không lẫn vào đâu được.”

“Vậy là có vấn đề phải không?” Harry hỏi, cố nhớ xem trong tài khoản ngân hàng của mình còn lại bao nhiêu sau khi hai bố con anh tổ chức chuyến tham quan Tây Ban Nha cho Sis, em gái anh, con bé mắc chứng bệnh mà nó tự gọi là hội chứng Down dạng nhẹ.

“Loại này không giống mục khô thật. Tòa nhà không dễ bị hạ gục,” anh ta nói. “Nhưng anh thì có đấy.”

“Tôi ư?”

“Nếu anh dễ bị ảnh hưởng. Một số người mắc bệnh vì hít thở không khí ở nơi có nấm mốc. Đau ốm liên miên, đi khám thì được bác sĩ kết luận mắc bệnh tưởng vì không tìm được nguyên nhân và người nhà thì vẫn khỏe như thường. Sau đó lũ nấm mốc ăn hết giấy dán tường và những tấm thạch cao trong nhà.”

“Ừm. Theo anh nên xử lý thế nào?”

“Dĩ nhiên là loại bỏ những phần nấm mốc rồi.”

“Vậy còn chi phí?”

“Đã có bảo hiểm tòa nhà lo, nên anh chẳng mất xu nào. Tôi chỉ cần anh cho phép lui tới căn hộ trong vài ngày.”

Harry tìm bộ chìa khóa dự phòng trong ngăn kéo tủ bếp và đưa cho anh ta.

“Sẽ chỉ có mình tôi làm thôi,” anh ta nói. “Thiết nghĩ cũng nên báo với anh như vậy. Gần đây xảy ra nhiều chuyện lạ lùng lắm.”

“Vậy ư?” Harry mỉm cười buồn bã, dõi mắt nhìn ra ngoài cửa sổ.

“Hả?”

“Không có gì,” Harry nói. “Dù sao ở đây cũng chẳng có gì mà lấy. Thôi tôi đi đây.”

Vầng mặt trời buổi sáng lấp lánh trên những ô kính của trụ sở cảnh sát Oslo, vốn ngự trị ở đây suốt ba mươi năm, trên đỉnh của một con dốc bên cạnh phố chính Grønlandsleiret. Dù không hoàn toàn có chủ đích khi xây dựng nhưng trụ sở lại được đặt gần những khu vực có tỷ lệ tội phạm ở mức cao tại phía Đông Oslo, còn trại giam, nằm trên khu đất của nhà máy bia cũ, là hàng xóm gần nhất. Bao quanh Sở là một bãi cỏ nâu, héo úa cùng những hàng cây thích và cây đoan chỉ sau một đêm đã khoác lên mình lớp tuyết mỏng màu trắng xám, vạn vật trong công viên trông như những món đồ phủ khăn trắng của ai đó đã qua đời.

Harry sải bước trên con đường trải nhựa đen để tới cổng chính và đi vào sảnh trung tâm, nơi bức tường với những hình trang trí bằng sứ của [Kari Christensen](file:///D:\Ebook-Center\Người%20Tuyết.docx#Kari_Margrethe_Christensen__1938) cùng dòng nước chảy thì thầm những bí mật muôn đời. Anh gật đầu chào bảo vệ ở quầy lễ tân và lên Đội Hình sự ở tầng sáu. Đã sáu tháng trôi qua kể từ khi anh được cấp văn phòng mới ở vùng đỏ, thế nhưng thỉnh thoảng Harry vẫn về nhầm căn phòng chật chội, không có cửa sổ nơi anh từng làm việc cùng Jack Halvorsen. Giờ ngồi trong đó là Magnus Skarre. Còn Jack Halvorsen thì đã yên giấc ngàn thu tại nghĩa trang Vestre Aker. Ban đầu bố mẹ Jack muốn đem con trai về chôn cất ở quê nhà Steinkjer, vì Jack và Beate Lønn, sếp của Krimteknisk, Phòng Giám định Pháp y, chưa kết hôn, thậm chí còn chưa dọn về chung sống. Nhưng khi hay tin Beate mang thai và con của Jack sẽ chào đời vào mùa hè, bố mẹ anh đồng ý an táng con trai tại Oslo.

Kari Margrethe Christensen (1938-1997): nghệ nhân gốm sứ nổi tiếng của Na Uy.

Harry bước vào văn phòng mới. Nơi này sẽ mãi được biết đến theo cách đó, y như sân nhà năm mươi năm tuổi của câu lạc bộ bóng đá Barcelona đến nay vẫn được gọi là Camp Nou, theo tiếng Catalan nghĩa là sân vận động mới. Anh thả người xuống ghế, bật radio lên và gật đầu chào buổi sáng với những khung ảnh đặt trên giá sách, dựa vào tường. Một ngày nào đó trong tương lai xa vời, nếu anh chịu nhớ ra và mua móc treo thì chúng sẽ có cơ hội ngự trị trên tường. Ellen Gjelten, Jack Halvorsen và Bjarne Møller. Lần lượt xếp theo trình tự thời gian. Hội Cảnh sát Quá cố.

Radio đang phát chương trình bình luận về cuộc bầu cử tổng thống Mỹ dưới góc nhìn của các chính trị gia và các nhà xã hội học Na Uy. Harry nhận ra giọng Arve Støp, ông chủ tạp chí Liberal ăn nên làm ra, được tiếng là một trong những tay có quan điểm thông tuệ nhất, ngạo mạn nhất và mua vui tốt nhất xứ này. Harry tăng âm lượng lên cho tới khi những tiếng nói vang vọng khắp bốn bức tường gạch, rồi vớ lấy chiếc còng số 8 hiệu Peerless đặt trên bàn làm việc mới. Anh thường luyện tập kỹ năng còng nhanh với một bên chân bàn mà giờ đã trở nên trầy trụa, sứt mẻ do thói quen xấu anh học được trong khóa huấn luyện của FBI tại Chicago và đem ra thực hành vào những buổi tối thui thủi một mình trong căn hộ tồi tàn ở khu Cabrini Green, giữa những tiếng cãi cọ nhà hàng xóm và chỉ có chai rượu Jim Beam bầu bạn. Mục tiêu là phải đập còng vào cổ tay kẻ bị bắt sao cho phần còng có lò xo khép lại quanh cổ tay đối tượng và khóa nghe đánh tách vào phía bên kia. Nếu đủ lực và chuẩn xác thì chỉ bằng một động tác đơn giản ta có thể còng tay mình với tay đối tượng khi hắn còn chưa kịp phản ứng. Harry chưa từng phải dùng đến chiếc còng và mới áp dụng đúng một lần một kiến thức khác học được ở Mỹ: làm thế nào để tóm cổ những tên sát nhân hàng loạt. Chiếc còng số 8 khóa lại quanh chân bàn và tiếng nói trên radio vẫn vang lên đều đều.

“Vì sao người dân Na Uy lại tỏ ra hoài nghi George Bush đến như vậy, thưa ông Arve Støp?”

“Vì Na Uy là đất nước được bao bọc quá đáng, chưa bao giờ tham gia cuộc chiến tranh nào. Chúng ta cứ vô tư nhường nhiệm vụ ấy cho những quốc gia khác: Anh, Liên Xô và Mỹ. Vâng, kể từ khi các cuộc chiến tranh Napoleon nổ ra, ta chỉ biết núp sau lưng các nước đàn anh. An ninh của Na Uy được tạo dựng trên cơ sở để cho những quốc gia khác gánh vác trách nhiệm khi có biến cố. Tình trạng này diễn ra trong thời gian quá dài nên chúng ta đã đánh mất khả năng nhìn nhận và đánh giá thực tế, ta tin rằng ngự trị trên trái đất này là những dân tộc hòa hảo luôn dành cho chúng ta - quốc gia giàu có nhất thế giới - chỉ toàn thiện ý. Na Uy chẳng khác nào cô nàng tóc vàng hoe lắm mồm, não ngắn lạc lối trong một ngõ hẻm ở khu Bronx và phẫn nộ trước cách hành xử quá bạo lực của anh chàng vệ sĩ đối với những tên cướp giật.”

Harry quay số của Rakel. Ngoài Sis ra thì Rakel là người duy nhất anh nhớ số điện thoại. Hồi còn trẻ người non dạ, anh tưởng trí nhớ tồi là điểm yếu đối với một điều tra viên. Giờ thì anh khôn ra rồi.

“Vậy tay vệ sĩ là ám chỉ Bush và nước Mỹ?” người dẫn chương trình hỏi.

“Đúng vậy. Lyndon B. Johnson từng nói rằng nước Mỹ không lựa chọn nghĩa vụ ấy cho mình, nhưng ông ta nhận ra chẳng còn ai cả, và ông ta nói rất đúng. Anh chàng vệ sĩ của chúng ta là một tín đồ Cơ đốc tái sinh, mắc [phức cảm người cha](file:///D:\Ebook-Center\Người%20Tuyết.docx#Phuc_cam_nguoi_cha_trong_tam_ly), nát rượu, trí lực hữu hạn và không đủ bản lĩnh để hoàn thành nghĩa vụ quân sự một cách vẻ vang. Nói tóm lại, chúng ta nên vui mừng khi một kẻ như vậy sắp tái đắc cử tổng thống ngày hôm nay.”

Phức cảm người cha trong tâm lý học là một loại phức cảm trong đó người bệnh dành cho cha mình những tình cảm thái quá theo hướng tích cực (ngưỡng mộ, thần tượng…) hoặc tiêu cực (căm ghét, nghi kỵ…).

“Hẳn là ông có ý mỉa mai?”

“Không hề. Một vị tổng thống nhu nhược như thế sẽ chỉ biết dựa vào đội ngũ cố vấn, mà tin tôi đi, Nhà Trắng lại sở hữu những tay giỏi nhất. Chương trình truyền hình đáng nực cười về Phòng Bầu dục có thể tạo ấn tượng sai lầm rằng tình báo là lĩnh vực độc quyền của phe Dân chủ, trong khi thực tế hoàn toàn ngược lại, phe cực hữu của đảng Cộng hòa mới là nơi sở hữu nhiều bộ óc sắc bén nhất. An ninh của Na Uy đang được gửi gắm vào tay những con người tài năng nhất.”

“Bạn gái của bạn gái ông đã lên giường với ông đấy.”

“Thật sao?” Harry hỏi.

“Không phải anh,” Rakel nói. “Em đang nói với người khác kia. Tay Støp ấy.”

“Xin lỗi nhé,” Harry nói, vặn nhỏ radio xuống.

“Sau bài thuyết giảng ở Trondheim. Ông ta mời cô ả lên phòng mình. Cô nàng tỏ ra hứng thú, nhưng rồi lại khiến ông ta băn khoăn vì cô ta mới phẫu thuật cắt bỏ bầu vú. Ông ta bảo sẽ suy nghĩ thêm, sau đó đi ra quầy bar. Cuối cùng ông ta quay lại và đưa cô ta đi cùng.”

“Ừm. Hy vọng hai bên đều được thỏa nguyện.”

“Chẳng gì có thể làm người ta thỏa nguyện được.”

“Ừ,” Harry đáp, thầm hỏi không hiểu họ đang nói gì.

“Tối nay thế nào đây?” Rakel hỏi.

“Gặp nhau ở Palace Grill lúc tám giờ ổn đấy. Nhưng còn mấy tin đồn nhảm về chuyện không thể đặt chỗ trước ở đó thì sao?”

“Chắc họ bịa ra thế cho ra vẻ sang chảnh ấy mà.”

Họ thống nhất gặp nhau ở quầy bar trước. Sau khi cúp máy, Harry ngồi nghĩ suy. Giọng cô có vẻ hài lòng. Hoặc vui tươi. Vui tươi và hoan hỉ. Anh cố gắng cảm nhận xem mình có thành công trong việc vui mừng thay cho cô không, vui khi người phụ nữ anh yêu vô cùng đang hạnh phúc bên người đàn ông khác. Rakel và anh đã ở bên nhau, anh cũng được cho nhiều cơ hội. Anh đã bỏ lỡ. Vậy thì sao không vui lên khi cô vẫn sống tốt, sao không thể buông bỏ ý nghĩ mọi chuyện giữa hai người lẽ ra có thể đã khác và tiếp tục sống cuộc sống của anh? Anh thầm hứa sẽ cố gắng thêm một chút nữa.

Cuộc họp buổi sáng nhanh chóng kết thúc. Với vai trò là sếp Đội Hình sự, Politioverbetjent - gọi tắt là FOB - Gunnar Hagen nói sơ qua tình hình những vụ án đang theo. Con số đó không nhiều vì tạm thời không có vụ án mới nào đang trong quá trình điều tra, mà án mạng là điều duy nhất có thể khiến cả đội chạy ngược chạy xuôi. Thomas Helle, sĩ quan thuộc Ban Tìm kiếm Người Mất tích của đơn vị cảnh sát mặc đồng phục, cũng có mặt và trình bày báo cáo về vụ một phụ nữ mất tích ngay tại nhà cách đây một năm. Không có dấu vết bạo lực, dấu vết kẻ đột nhập và dấu vết người phụ nữ này. Cô ta là nội trợ và được trông thấy lần cuối ở nhà trẻ nơi cô ta đưa con trai và con gái đến gửi vào buổi sáng. Chồng và những người quen của cô ta đều có chứng cứ ngoại phạm và được xác định là vô can. Mọi người đều nhất trí rằng Đội Hình sự nên điều tra sâu hơn vụ này.

Magnus Skarre chuyển lời hỏi thăm của Ståle Aune, chuyên gia tâm lý thuộc Đội Hình sự, hiện đang được điều trị tại Bệnh viện Đại học Ullevål mà Skarre mới ghé thăm. Harry bỗng cảm thấy lương tâm cắn rứt. Ståle Aune không chỉ là cố vấn giúp đỡ anh trong những vụ trọng án mà ông còn là nguồn động viên tinh thần của anh trong cuộc chiến chống lại con ma men, người duy nhất anh có thể coi là thân tín. Đã hơn một tuần trôi qua kể từ khi Aune phải nhập viện với chẩn đoán không mấy rõ ràng, nhưng Harry vẫn chưa thể chiến thắng được nỗi e ngại khi phải đặt chân đến bệnh viện. Mai mình sẽ đi, anh thầm nghĩ. Hoặc là thứ Năm.

“Một sĩ quan mới sẽ gia nhập đội ngũ của chúng ta,” Gunnar Hagen thông báo. “Katrine Bratt.”

Một phụ nữ trẻ ngồi ở hàng ghế đầu đứng dậy mà chẳng đợi mời, nhưng cô không nở nụ cười. Một phụ nữ rất quyến rũ. Quyến rũ dù không cần cố gắng nhiều, Harry thầm nghĩ. Mái tóc mỏng gần như thưa thớt buồn tẻ rủ xuống hai bên khuôn mặt thanh tú với nước da trắng, mang nét trang nghiêm và mệt mỏi Harry thường thấy ở những phụ nữ sắc nước hương trời khác, những người đã quá quen với ánh nhìn của thiên hạ đến nỗi chẳng còn cảm thấy thích thú hay khó chịu gì nữa. Katrine Bratt mặc bộ vét màu xanh dương tôn lên nét nữ tính, nhưng đôi tất da chân dày màu đen lấp ló dưới gấu váy và đôi bốt đông hữu dụng đã đánh tan mọi nỗi nghi ngờ nếu có rằng cô đang cố ý thể hiện. Cô quét ánh mắt quanh phòng một lượt, như thể cô đứng lên để được nhìn thấy họ chứ không phải ngược lại. Harry đoán cô đã chọn trước bộ vét này và sắp xếp cả màn ra mắt nho nhỏ ở Sở Cảnh sát.

“Katrine đã có bốn năm công tác tại Sở Cảnh sát Bergen, chủ yếu xử lý những vụ quấy rối nơi công cộng, nhưng cô cũng tham gia Đội Hình sự trong thời gian ngắn,” Hagen nói tiếp, cúi xuống đọc tờ giấy Harry đoán là sơ yếu lý lịch của cô. “Lấy bằng luật của Đại học Bergen năm 1999, theo học tại Học viện Cảnh sát, và giờ cô được phân về đây. Hiện chưa có con, nhưng đã kết hôn.”

Một bên chân mày thanh mảnh của Katrine Bratt nhướn lên rất khẽ, và Hagen hoặc là trông thấy điều ấy hoặc nhận ra rằng mẩu thông tin cuối cùng đó chẳng liên quan, nên ông ta thêm vào, “Dành cho những ai quan tâm…”

Trong khoảng lặng khó xử cho thấy rõ ý tứ của mọi người, Hagen dường như nghĩ rằng mình vừa khiến tình hình thêm tồi tệ; ông ta ho hai tiếng rõ to và nói rằng ai chưa đăng ký tham gia tiệc Giáng sinh thì hãy ghi danh trước thứ Tư tới.

Trong phòng vang lên tiếng xô ghế, Harry vừa ra đến hành lang thì nghe thấy một giọng nói cất lên từ phía sau.

“Rõ ràng tôi thuộc về anh rồi.”

Harry quay người lại, nhìn vào gương mặt của Katrine Bratt. Tự hỏi cô sẽ còn quyến rũ đến đâu nếu chịu chăm chút hơn nữa.

“Hoặc anh thuộc về tôi,” cô nói, khoe hàm răng đều tăm tắp nhưng không để nụ cười lan tỏa trong ánh mắt. “Tùy theo cách anh nhìn nhận.” Cô nói giọng Na Uy chuẩn pha chút âm vùng Bergen với chữ r rung nhẹ, dựa vào đó Harry đồ rằng cô sống ở Fana, Kalfaret hoặc khu vực nào đó chỉ toàn tầng lớp trung lưu.

Anh lại đi tiếp, cô vội vã sải bước để bắt kịp anh. “Xem ra Politioverbetjent đã quên báo cho anh rồi.”

Cô thốt ra từ Politioverbetjent với một chút nhấn nhá ở tất cả các âm tiết trong chức danh của Gunnar Hagen.

“Nhưng anh cũng nên đưa tôi đi tham quan một vòng và tận tình chỉ bảo cho tôi trong mấy ngày tới đây. Cho tới khi tôi vào guồng. Anh nghĩ anh có làm được vậy không?”

Nụ cười nhạt dần trên môi Harry. Tính đến giờ phút này thì anh khá mến cô, nhưng dĩ nhiên anh hoàn toàn có thể thay đổi ý kiến. Harry luôn sẵn lòng ban cho người khác cơ hội thứ hai để được lọt vào danh sách đen của anh.

“Tôi không biết nữa,” anh nói, dừng lại bên máy pha cà phê. “Bắt đầu với thứ này nhé.”

“Tôi không uống cà phê.”

“Cũng chẳng sao. Cơ chế máy không cần giải thích. Như mọi thứ ở đây. Cô nghĩ sao về vụ mất tích của người phụ nữ đó?”

Harry nhấn nút chọn cà phê Americano, và với cái máy này thì cà phê kiểu Mỹ cũng chẳng khác gì loại cà phê trên phà ở Na Uy.

“Ý anh là gì?”

“Cô nghĩ cô ta có còn sống không?” Harry cố gắng hỏi với thái độ bình thản để cô không nhận ra đây là màn thử thách anh dành cho cô.

“Anh nghĩ tôi ngu chắc?” cô nói và chăm chú nhìn cái máy khục khặc vài lần rồi phun thứ nước đen ngòm vào chiếc cốc nhựa màu trắng, gương mặt cô lộ rõ vẻ khinh miệt không cần giàu giếm. “Anh không nghe Politioverbetjent nói rằng tôi từng có bốn năm làm việc ở Ban Điều tra Tội phạm tình dục ư?”

“Hừm,” Harry nói. “Vậy là chết?”

“Chết ngắc,” Katrine Bratt đáp.

Harry cầm lấy chiếc cốc trắng. Anh trầm ngâm nghĩ lẽ nào mình vừa tìm được một đồng nghiệp có tiềm năng đáng để coi trọng.

Chiều đi bộ về nhà, Harry thấy đã sạch tuyết trên đường và vỉa hè, những bông tuyết mong manh yếu ớt xoay tròn trong không trung vừa rơi xuống đã bị mặt đường ướt nhẹp nuốt trọn. Anh ghé vào cửa hàng băng đĩa nhạc quen trên phố Akersgata và mua CD mới nhất của Neil Young, dẫu anh ngờ rằng CD này chắc dở òm.

Khi mở cửa căn hộ, Harry chợt phát hiện có điều gì đó khang khác. Hình như là có tiếng động. Hoặc mùi lạ. Vừa bước tới cửa phòng bếp, anh lập tức khựng lại. Cả một mặt tường nhà đã biến mất. Sáng sớm nay ở đó vẫn còn tấm thạch cao và giấy dán tường họa tiết hoa tươi tắn, nhưng giờ anh chỉ thấy những viên gạch đỏ quạch màu sắt gỉ với lớp vữa xám và khung gỗ vàng nhợt lỗ chỗ vết đinh. Trên sàn là hộp dụng cụ của người xử lý nấm mốc, còn trên mặt bàn bếp có tờ giấy ghi lời nhắn hôm sau anh ta sẽ quay lại làm tiếp.

Harry bước vào phòng khách, đẩy CD Neil Young vào đầu đĩa, mười lăm phút sau anh lại ỉu xìu lấy ra để thay bằng đĩa của Ryan Adams. Ý nghĩ muốn uống một ly không biết từ đâu xuất hiện. Harry nhắm mắt lại, chú mục vào những đốm đỏ nhảy nhót và tấm màn đen kịt trước mắt. Anh lại nhớ đến lá thư ấy. Tuyết đầu mùa. Toowoomba.

Tiếng chuông điện thoại reo vang cắt ngang giai điệu Shakedown on 9th Street của Ryan Adams.

Một phụ nữ tự giới thiệu mình là Oda, gọi điện đến từ chương trình Bosse và nói cô ta rất vui khi được gặp lại anh. Harry không nhớ ra người này, nhưng nhớ chương trình truyền hình kia. Họ có mời anh đến nói chuyện về đề tài sát nhân hàng loạt, vì anh là sĩ quan cảnh sát Na Uy duy nhất được huấn luyện cùng FBI, hơn nữa anh cũng đã đích thân truy lùng một tên sát nhân hàng loạt thật sự. Harry dại dột đến nỗi đi nhận lời mời của họ. Anh tự nhủ mình lên đó chỉ để truyền tải một vài thông điệp quan trọng và tương đối hạn hẹp về những kẻ sát nhân, chứ không phải để được xuất hiện trên chương trình đối thoại đình đám nhất cả nước. Giờ nghĩ lại, anh không chắc lắm về lý do ấy. Nhưng đây chưa phải điều tồi tệ nhất. Tệ hại nhất là việc anh uống rượu trước khi lên sóng. Harry đinh ninh rằng mình chỉ uống có mỗi một ly. Nhưng khi lên hình trông anh cứ như đã nốc đến năm ly. Cách nói của anh vẫn rõ ràng, lúc nào cũng thế. Có điều, hai mắt anh đờ đẫn, phân tích thì dài dòng và chẳng đi đến kết luận nào, vậy là người dẫn chương trình buộc phải giới thiệu một khách mời khác, người mới giành chức quán quân cuộc thi cắm hoa châu Âu. Harry ngồi đó không nói nửa lời, nhưng ngôn ngữ cơ thể cho thấy quá rõ anh nghĩ gì về cuộc tranh luận hoa cỏ này. Khi người dẫn chương trình, với nụ cười kín đáo, hỏi anh một điều tra viên trọng án hiểu gì về nghệ thuật cắm hoa, Harry đáp rằng những vòng hoa tang của Na Uy chắc chắn vẫn thuộc đẳng cấp cao trên thế giới. Có lẽ chính thái độ tưng tửng, hơi ngờ nghệch của Harry đã lấy được tiếng cười của khán giả trong trường quay và những cái vỗ vai khoái trá từ các nhân viên nhà đài sau khi chương trình kết thúc. Họ nói anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Anh cùng một nhóm nhân viên kéo nhau đến nhà hàng nằm ở tầng trệt của phòng tranh Kunstnernes Hus, mặc sức ăn uống để rồi hôm sau anh thức dậy, từng tế bào trong cơ thể gào thét, đòi nạp thêm rượu. Hôm ấy là thứ Sáu và anh uống suốt mấy ngày cuối tuần. Anh ngồi ở quán Schroder gào lên gọi bia khi quán nháy đèn nhắc khách đã đến giờ ra về, cô phục vụ Rita phải đến tận bàn nói với Harry rằng sau này anh sẽ bị cấm cửa ở đây nếu không chịu về, tốt hơn hết là về giường. Đúng tám giờ sáng thứ Hai Harry có mặt tại Sở. Anh chẳng đóng góp được điều gì hữu ích cho đội, nôn thốc nôn tháo ở chậu rửa sau cuộc họp buổi sáng, bám gí lấy chiếc ghế trong văn phòng, uống cà phê, hút thuốc rồi lại nôn tiếp, có điều lần này là ở trong nhà vệ sinh. Và đó là lần cuối cùng anh chịu khuất phục trước rượu bia; kể từ ngày ấy đến nay, anh không hề động đến một giọt nào.

Bây giờ họ lại muốn mời anh lên sóng.

Người phụ nữ đó nói rằng chương trình sắp tới sẽ xoay quanh đề tài chủ nghĩa khủng bố ở các nước Ả Rập và điều gì đã khiến nhiều trí thức trung lưu trở thành những cỗ máy giết chóc. Harry vội ngắt lời trước khi cô ta kịp nói hết.

“Không.”

“Nhưng chúng tôi rất muốn anh tham dự. Anh rất… rất… có phong cách rock ‘n’ roll!” Cô ta bật cười, sự nhiệt tình trong đó là thật hay giả thì Harry không rõ, có điều, giờ anh nhận ra giọng nói này rồi. Cô ta cũng có mặt ở Kunstnernes Hus tối hôm đó. Trông cô ta ưa nhìn nhưng theo kiểu nhàm chán và non nớt, cách nói chuyện cũng nhàm chán, non nớt như thế. Cô ta nhìn Harry bằng ánh mắt thèm thuồng như thể anh là món ăn xứ lạ cô ta đang cân nhắc nếm thử; có thật là anh khác lạ lắm không?

“Mời người khác đi,” Harry nói rồi cúp máy. Sau đó, anh nhắm mắt lại và nghe Ryan Adams băn khoăn tự vấn, Ôi, người yêu dấu, tại sao anh lại nhớ em đến nhường này?

Cậu bé ngẩng lên nhìn người đàn ông đứng cạnh mình ở bàn bếp. Ánh sáng từ ngoài vườn tuyết phủ trắng hắt lên làn da nhẵn nhụi không có lấy một sợi tóc quanh hộp sọ to tướng của ông bố. Mẹ từng nói đầu bố to như vậy vì bố là bộ não khủng. Thằng bé từng hỏi sao mẹ lại nói bố là bộ não khủng chứ không phải bố có não, mẹ phì cười vuốt trán nó và bảo rằng các giáo sư vật lý đều như vậy cả. Lúc này đây, bộ não ấy đang đứng rửa khoai tây dưới vòi nước rồi thả vào nồi.

“Bố không gọt vỏ trước khi nấu ạ? Mẹ toàn…”

“Giờ mẹ không có nhà, Jonas ạ. Thế nên ta sẽ làm theo cách của bố.”

Người bố không hề lớn tiếng nhưng giọng nói của ông vẫn ẩn chứa sự bực bội khiến Jonas rùng mình. Nó chẳng bao giờ hiểu được vì sao bố lại hay giận đến thế. Hoặc, đôi lúc thậm chí nó cũng không biết có phải bố đang cáu hay không, cho tới khi thằng bé trông thấy khuôn mặt người mẹ với khóe miệng xịu xuống đầy lo lắng, dường như điều đó càng làm bố nó thêm tức tối. Nó thầm cầu mong mẹ sớm về.

“Nhà mình không dùng mấy đía này đâu bố!”

Ông bố đóng sầm cửa tủ bếp, Jonas lo lắng cắn môi dưới. Ông cúi xuống sát mặt thằng bé. Cặp kính vuông mỏng manh sáng lên lấp lánh.

“Là ‘đĩa’, không phải ‘đía’,” ông nói. “Bố phải nhắc con bao nhiêu lần nữa hả Jonas?”

“Nhưng mẹ vẫn bảo…”

“Mẹ nói không đúng. Con có hiểu không hả? Ở nơi mẹ từng sống, trong gia đình mẹ lớn lên, người ta không coi trọng cách ăn nói.” Hơi thở của ông có mùi mằn mặn như tảo thối vậy.

Cửa chính bất ngờ đóng sầm lại.

“Chào cả nhà,” tiếng mẹ vọng đến từ ngoài hành lang.

Jonas định chạy ra đón mẹ nhưng bị bố tóm lấy vai giữ lại và chỉ vào chiếc bàn ăn vẫn chưa có bát đĩa gì.

“Con trai mẹ ngoan quá!”

Jonas cảm nhận được nụ cười trong giọng nói đứt hơi của mẹ khi bà đứng ở ngưỡng cửa phòng bếp phía sau nó trong khi nó cuống cuồng bày biện cốc tách và dao dĩa.

“Hai bố con đắp được người tuyết to ghê!”

Jonas ngạc nhiên quay lại, nhìn mẹ đang cởi áo khoác. Trông mẹ mới đẹp làm sao. Làn da sẫm màu, mái tóc sẫm màu, giống y hệt nó, và ánh mắt mẹ gần như lúc nào cũng xiết bao dịu dàng. Gần như thế. Giờ mẹ không còn thon thả như trong mấy tấm hình hồi mẹ và bố lấy nhau, nhưng nó vẫn nhận thấy ánh mắt những người đàn ông khác nhìn mẹ mỗi khi hai mẹ con cùng nhau dạo phố.

“Bố con con có đắp người tuyết nào đâu ạ,” Jonas nói.

“Không ư?” Mẹ nhíu mày trong lúc cởi chiếc khăn quàng màu hồng to sụ, món quà Jonas tặng bà dịp Giáng sinh.

Bố bước tới bên cửa sổ. “Chắc là bọn trẻ con nhà hàng xóm đấy,” ông nói.

Jonas trèo lên một chiếc ghế trong bếp và nhìn ra ngoài. Quả nhiên, trên bãi cỏ trước nhà có một người tuyết. Mẹ nói đúng, người tuyết to thật. Cặp mắt và cái miệng làm từ ba viên sỏi, còn mũi là củ cà rốt. Người tuyết không đội mũ, cũng chẳng quàng khăn, chỉ còn độc một cánh tay là nhánh cây gầy guộc Jonas đoán ai đó đã bẻ ở bờ giậu rồi gắn lên. Thế nhưng người tuyết này có gì đó là lạ. Nó bị đặt sai hướng mất rồi. Jonas không hiểu lắm, chỉ nghĩ đơn giản rằng người tuyết thì phải quay mặt ra đường, hướng về phía không gian mở mới đúng.

“Tại sao…” Thằng bé vừa lên tiếng thì bị bố cắt ngang.

“Để anh sang đó nói chuyện với họ.”

“Sao phải thế hả anh?” Giọng mẹ vọng vào từ hành lang, Jonas nghe thấy tiếng bà kéo khóa, cởi đôi bốt da màu đen cao cổ. “Có gì to tát đâu nào.”

“Anh không muốn cái ngữ ấy loanh quanh trên đất nhà mình. Khi nào về anh sẽ xử lý.”

“Sao người tuyết lại không nhìn ra đường ạ?” Jonas hỏi.

Ngoài hành lang, mẹ nó thở dài. “Bao giờ anh về?”

“Trong ngày mai.”

“Mấy giờ?”

“Sao? Có hẹn với ai à?” Giọng nói có chút bông đùa của bố khiến Jonas rùng mình.

“Em hỏi để chuẩn bị cơm nước thôi,” mẹ đáp và bước vào phòng, tới bên chiếc bếp, ngó qua mấy cái chảo rồi tăng nhiệt độ hai bếp đơn lên.

“Cứ nấu đi,” bố nói, quay sang xấp báo đặt trên mặt bàn bếp. “Rồi anh sẽ về.”

“Vâng.” Mẹ bước lại gần và vòng tay ôm bố từ phía sau. “Nhưng tối nay anh nhất định phải đến Bergen hay sao?”

“Anh có tiết dạy lúc tám giờ sáng,” bố nói. “Sau khi máy bay hạ cánh, còn phải đi cả tiếng mới tới trường đại học, nên nếu anh bay chuyến sớm nhất ngày mai thì không kịp.”

Nhìn những bó cơ trên cổ bố, Jonas biết rằng ông đang cảm thấy thoải mái, và một lần nữa mẹ nó lại khôn khéo biết lựa đúng lời để nói.

“Sao người tuyết lại nhìn về phía nhà mình ạ?” Jonas hỏi.

“Ra rửa tay đi con,” mẹ nó giục.

Cả nhà lặng lẽ ăn tối, sự im lặng chỉ bị phá vỡ nhờ mấy câu hỏi lấy lệ xoay quanh việc học hành và những lời đáp chung chung, đại khái của thằng bé. Jonas biết rằng trả lời chi tiết chỉ tổ khơi lên những câu hỏi khó từ phía ông bố, chuyện bọn trẻ được học hoặc không học môn gì ở cái trường chẳng ra hồn ấy. Hoặc là những lời chất vấn trút xuống như mưa khi Jonas nhắc đến người bạn cùng chơi nào đó, bố nó sẽ hỏi cha mẹ cậu ta làm nghề gì, quê quán ở đâu. Toàn nhũng câu Jonas không có cách nào trả lời khiến ông hài lòng.

Khi đã lên giường nằm, Jonas nghe thấy bố chào tạm biệt mẹ ở dưới nhà, cửa đóng lại và tiếng ô tô khởi động ngoài đường rồi đi xa dần. Một lần nữa trong nhà chỉ còn mỗi hai mẹ con. Mẹ nó bật ti vi lên xem. Jonas nghĩ đến một điều mẹ từng hỏi. Vì sao nó hầu như không rủ các bạn về nhà chơi nữa. Thằng bé không biết phải trả lời ra sao, nó không muốn làm mẹ buồn. Thế nhưng giờ đây người buồn lại là nó. Jonas cắn phần bên trong má, một cảm giác vừa dễ chịu vừa đau đớn truyền đến hai tai, nó đăm đăm nhìn những ống kim loại của chiếc chuông gió treo trên trần nhà. Nó rời khỏi giường rồi lê chân đến bên cửa sổ.

Chút ánh sáng phản xạ trên lớp tuyết trong vườn cũng đủ để Jonas nhác thấy người tuyết dưới kia. Trông nó cô độc quá. Ai đó đáng lẽ phải đội mũ với quàng khăn cho nó chứ. Hay là cắm thêm cán chổi cho nó cầm chẳng hạn. Đúng lúc ấy vầng trăng ló ra từ phía sau đám mây. Đập vào mắt nó là một hàm răng đen ngòm. Và cặp mắt kia nữa. Theo phản xạ, Jonas hít mạnh một hơi và lùi về sau hai bước. Cặp mắt sỏi lóe sáng. Chúng không hướng vào trong nhà mà đang ngước lên. Nhìn lên phía trên này. Jonas kéo rèm lại và rón rén quay về giường.

## Ngày thứ nhất

### YÊN CHI

Harry ngồi trên chiếc ghế đẩu ở quầy bar trong nhà hàng Palace Grill đọc những biển báo treo trên tường, đó là những lời nhắc nhở nhẹ nhàng dành cho thực khách: vui lòng không khất tiền, đừng bắn người chơi dương cầm, và cuối cùng, hãy cư xử văn minh hoặc nhà hàng không tiễn. Giờ vẫn còn sớm, ngoài anh ra, cả quầy bar chỉ có hai cô gái đang ngồi bấm điện thoại lia lịa ở một bàn và hai cậu con trai chơi phi tiêu, tư thế phóng và cách nhắm có vẻ thành thạo đấy nhưng kết quả thì thật tệ. Dolly Parton, cô ca sĩ Harry biết từng có thời bị ghẻ lạnh rồi lại được các chuyên gia sành nhạc đồng quê và miền Tây rước về, đang rên rỉ trên loa bằng giọng mũi đặc chất miền Nam. Harry kiểm tra đồng hồ đeo tay một lần nữa, thầm đánh cược với chính mình rằng đúng tám giờ bảy phút, Rakel Fauke sẽ xuất hiện trước ngưỡng cửa. Anh cảm thấy sự căng thẳng quen thuộc mỗi khi gặp lại cô. Anh tự nhủ đó chỉ là phản xạ có điều kiện mà thôi, giống như những chú chó trong thí nghiệm của Pavlov tiết nước bọt khi nghe tiếng chuông báo giờ ăn, ngay cả khi chẳng có món nào được mang đến. Tối nay cũng sẽ chẳng có món nào cả. À thì, họ sẽ có đồ ăn, nhưng chỉ đồ ăn thôi. Và cuộc chuyện trò thân tình xoay quanh cuộc sống hiện tại của hai người. Hay đúng hơn là cuộc sống của cô. Và Oleg, cậu con trai cô có với ông chồng cũ người Nga hồi cô còn làm ở đại sứ quán Na Uy tại Moscow. Cậu bé với tính cách khép kín, dè dặt mà Harry đã cố gắng kết thân, giữa Oleg và anh dần hình thành mối liên hệ xét về nhiều mặt còn khăng khít hơn cả tình cảm của thằng bé với chính người bố đẻ. Đến cuối cùng, khi Rakel không thể tiếp tục chịu đựng thêm nữa và quyết định ra đi, anh không biết mất mát của bên nào lớn hơn. Nhưng giờ thì anh đã hiểu. Bởi lúc nay đây, đúng tám giờ bảy phút, cô đang đứng ở lối vào, dáng người thảng tắp, tấm lưng với đường cong mềm mại anh tưởng như có thể cảm nhận trên từng đầu ngón tay, đôi gò má cao với làn da rạng ngời anh cứ ngỡ đang kề bên má mình. Anh đã hy vọng trông cô sẽ không đẹp đến thế. Không hạnh phúc đến thế.

Cô bước tới chỗ anh và họ chạm má chào nhau. Anh tự nhắc mình phải chủ động tách ra trước.

“Anh nhìn gì vậy?” vừa cởi áo khoác cô vừa hỏi.

“Em biết mà,” Harry đáp, và khi nghe giọng mình, anh nghĩ đáng lẽ anh nên đằng hắng trước khi nói.

Cô khẽ bật cười, tiếng cười ấy tác động lên anh cũng giống như hớp rượu Jim Beam đầu tiên anh uống, một cảm giác thật ấm áp và dễ chịu.

“Đừng,” cô nói.

Anh hiểu rõ ẩn ý chữ Đừng của cô. Đừng khơi mào, đừng làm cả hai khó xử, hai ta chẳng đến đâu đâu. Lời cô thốt ra rất khẽ, gần như không thành tiếng, vậy mà anh có cảm giác nó chẳng khác nào một cái tát nảy lửa.

“Anh gầy quá,” cô nói.

“Ai cũng bảo thế.”

“Vậy bàn…”

“Người phục vụ sẽ tới dẫn mình đi.”

Cô ngồi xuống ghế đối diện với anh và gọi rượu khai vị. Chẳng cần bàn bạc, luôn là Campari. Ngày trước Harry từng gọi cô là Yên chi, đó là từ chỉ sắc đỏ tự nhiên đặc trưng cùa loại rượu ngòn ngọt, cay cay ấy. Vì cô thích mặc trang phục màu đỏ thắm. Rakel tự nhận cô dùng màu đỏ thay lời cảnh báo, giống như các loài động vật trong tự nhiên dùng những sắc màu nổi bật để nhắc kẻ thù hãy tránh xa.

Harry gọi thêm một lon Coke.

“Sao anh lại gầy đến thế này?” cô hỏi.

“Do nấm.”

“Gì cơ?”

“Rõ ràng nó đang giết dần giết mòn anh. Não, mắt, phổi, khả năng tập trung. Bòn rút những sắc màu và ký ức của anh. Nấm cứ lớn lên, còn anh tàn lụi đi. Nó biến thành anh và anh biến thành nó.”

“Anh đang lảm nhảm cái gì vậy?” cô kêu lên và nhăn mặt một cái như thể chán ghét, nhưng Harry lại nhận thấy nét cười trong đôi mắt cô. Cô thích ngồi nghe anh nói, dẫu chỉ là những câu chẳng ra đầu ra đũa. Anh kể với cô chuyện nấm mốc ở nhà mình.

“Tình hình em thế nào?” Harry hỏi.

“Bình thường anh ạ. Em ổn. Oleg vẫn khỏe. Nhưng thằng bé nhớ anh đấy.”

“Nó nói với em thế à?”

“Anh biết mà. Anh nên quan tâm đến nó nhiều hơn.”

“Anh ư?” Harry sửng sốt nhìn cô. “Anh làm gì có quyền quyết định.”

“Sao lại thế?” cô nói, đón lấy ly rượu từ tay nhân viên pha chế. “Anh và em không ở bên nhau đâu có nghĩa mối quan hệ giữa anh với Oleg không còn quan trọng. Với cả hai bên. Anh và thằng bé đều khó kết thân với người khác, thế nên cả hai cần vun đắp những mối quan hệ sẵn có.”

Harry hớp một ngụm Coke. “Tình hình Oleg và anh bác sĩ của em tiến triển đến đâu rồi?”

“Tên anh ấy là Mathias,” Rakel nói kèm theo tiếng thở dài. “Hai bên đang cố gắng làm thân. Họ… khác nhau quá. Mathias nỗ lực nhiều lắm, nhưng Oleg không thực sự tạo điều kiện cho anh ấy.”

Cảm giác thỏa mãn nhỏ bé chợt nhói lên trong Harry.

“Mathias cũng phải làm việc nhiều giờ.”

“Anh tưởng em không thích điều đó ớ bạn trai,” Harry đáp, lời vừa thốt ra anh lập tức hối hận. Nhưng Rakel không giận mà chỉ thở dài buồn bã.

“Vấn đề không phải giờ giấc. Anh bị ám ảnh. Anh và công việc là một, động lực làm việc của anh không phải là tình yêu hay ý thức trách nhiệm. Thậm chí tham vọng cá nhân cũng không. Mà đó là sự giận dữ, là khao khát báo thù. Điều đó thật không phải chút nào, Harry ạ, đúng ra không nên như thế. Anh biết rõ chuyện gì xảy ra mà.”

Phải, anh thầm nghĩ. Anh cũng đã để thứ bệnh dịch ấy bước vào ngôi nhà của em.

Anh hắng giọng. “Vậy tức là anh bác sĩ của em có động lực… chính đáng, hả?”

“Mathias vẫn trực ca đêm ở phòng cấp cứu. Là anh ấy tình nguyện. Đồng thời, anh ấy còn giảng dạy toàn thời gian ở khoa Giải phẫu.”

“Anh ta còn là tình nguyện viên hiến máu và thành viên của Tổ chức Ân xá Quốc tế nữa.”

Cô thở dài. “B- là nhóm máu hiếm, Harry ạ. Và anh cũng ủng hộ Tổ chức Ân xá đấy thôi, em biết mà.”

Cô khuấy chiếc ly bằng que nhựa màu da cam, trên đầu que có gắn một chú ngựa. Thứ rượu màu đỏ đảo quanh mấy cục đá. Yên chi.

“Harry này?” cô nói.

Trong lời nói của cô có điều gì đó khiến anh bỗng trở nên căng thẳng.

“Mathias sẽ chuyển đến sống cùng em. Vào dịp Giáng sinh.”

“Nhanh vậy ư?” Harry quét lưỡi lên vòm miệng cho đỡ khô. “Hai người quen biết chưa lâu mà.”

“Lâu vậy là đủ rồi. Bọn em dự định kết hôn vào mùa hè năm sau.”

Magnus Skarre chăm chú nhìn dòng nước nóng chảy tràn trên đôi tay và trôi xuống chậu rửa. Rồi biến mất. Không. Không gì tự nhiên biến mất, nó chỉ đâu đó thôi. Cũng giống như những người anh ta thu thập thông tin trong suốt mấy tuần vừa qua. Vì Harry đã có lời nhờ cậy. Vì Harry nói biết đâu sẽ có thông tin nào đó đáng chú ý. Anh muốn Magnus gửi báo cáo trước cuối tuần. Vậy là Magnus buộc phải làm thêm giờ. Dù anh ta biết Harry giao những nhiệm vụ ấy để họ có việc mà làm trong giai đoạn ngồi chơi xơi nước này. Ban Tìm kiếm Người Mất tích của đơn vị cảnh sát mặc đồng phục chỉ có đúng ba mống, bọn họ không chịu điều tra lại các vụ án cũ vì án mới đầy ra còn chưa giải quyết hết nữa là.

Bước trên hành lang vắng tanh để về văn phòng, Magnus chợt phát hiện cửa phòng mở hé. Rõ ràng trước khi đi anh ta đã đóng lại rồi, giờ đã hơn chín giờ, thế nên nhân viên vệ sinh chắc chắn xong việc từ lâu. Hai năm trước, ở đây thường xuyên bị mất cắp đồ đạc trong phòng làm việc. Magnus Skarre cố tình kéo cửa thật mạnh.

Katrine Bratt đang đứng ở giữa phòng, cô đưa mắt nhìn Magnus với vầng trán cau lại như thể anh ta mới là người tự tiện xông vào phòng của cô. Rồi cô quay lưng về phía anh ta.

“Tôi chỉ muốn xem qua thôi,” cô nói, lướt mắt khắp bốn bức tường.

“Xem gì mới được?” Skarre nhìn quanh. Phòng này cũng giống như bao phòng khác, chỉ trừ một điểm là ở đây không có cửa sổ.

“Đây từng là phòng làm việc của anh ấy phải không?” Skarre nhíu mày. “Ý cô là sao?”

“Hole ấy mà. Căn phòng này thuộc về anh ấy suốt bao năm qua. Ngay cả trong thời gian anh ấy sang Australia điều tra án giết người hàng loạt.”

Skarre nhún vai. “Có lẽ vậy. Nhưng mà sao?”

Katrine Bratt vuốt tay lên mặt bàn. “Sao anh ấy lại đổi phòng?”

Magnus đi vòng qua chỗ cô, ngồi thụp xuống chiếc ghế xoay. “Ở đây không có cửa sổ.”

“Anh ấy ngồi chung phòng với đồng nghiệp khác, đầu tiên là Ellen Gjelten, sau đó đến Jack Halvorsen,” Katrine Bratt nói. “Cả hai người đó đều bị sát hại.”

Magnus Skarre đan hai tay sau đầu. Cô nàng cảnh sát mới này có phong cách ra phết. Cô thuộc đẳng cấp cao hơn anh ta một chút. Anh ta đoán chồng cô chắc phải làm sếp hay gì đó, và giàu nữa. Bộ vét cô mặc xem chừng cũng là hàng đắt tiền. Nhưng khi quan sát cô kỹ hơn chút nữa, anh ta lại phát hiện một khiếm khuyết nho nhỏ ở đâu đó. Một thiếu sót không đáng kể mà tạm thời anh ta chưa thể xác định rõ.

“Anh có nghĩ là anh ấy nghe thấy tiếng nói của họ không? Phải chăng vì thế mà anh ấy chuyển sang phòng khác?” Bratt hỏi, chăm chú quan sát tấm bản đồ Na Uy treo trên tường. Trên đó Skarre đã khoanh tròn quê quán của tất cả những người mất tích tại Østland, khu vực phía Đông Na Uy, kể từ năm 1980.

Skarre bật cười nhưng không đáp. Cô có vòng eo thon thả, tấm lưng yểu điệu. Anh ta biết cô cũng nhận ra anh ta đang liếc trộm mình.

“Thực sự thì anh ấy là người thế nào?” cô nói.

“Cô hỏi để làm gì?”

“Tôi nghĩ người nào làm việc với sếp mới cũng đều muốn biết, phải vậy không?”

Cô nói đúng. Chỉ có điều, anh ta chưa từng coi Harry Hole là sếp của mình, không phải theo cách như thế. Ừ thì Hole có giao việc này việc kia và đứng đầu các cuộc điều tra, nhưng ngoài mấy điều ấy ra thì tất cả những gì Hole yêu cầu là mọi người hãy để yên cho anh làm việc.

“Anh ta… chắc cô cũng biết rồi… là nhân vật khá khét tiếng,” Skarre nói.

Cô nhún vai. “Tôi nghe nói anh ấy có thói mê rượu. Và rằng anh ấy báo cáo những chuyện khuất tất của đồng nghiệp với cấp trên. Các sếp đều muốn tống cổ anh ấy đi, nhưng vị POB tiền nhiệm đã che chở cho anh ấy.”

“Tên ông ấy là Bjarne Møller,” Skarre nói, đưa mắt nhìn tấm bản đồ và vòng tròn bao quanh cái tên Bergen. Đó là nơi cuối cùng có người trông thấy Møller trước khi ông mất tích.

“Và mọi người ở Sở cũng chẳng thích thú gì việc anh ấy được giới truyền thông tôn vinh cứ như thần tượng nhạc pop.”

Skarre cắn môi dưới. “Anh ta là một điều tra viên xuất sắc. Với tôi vậy là đủ.”

“Anh ưa anh ấy phải không?” Bratt hỏi.

Skarre cười toe. Anh ta quay lại nhìn thẳng vào mắt cô.

“Ưa, không ưa,” anh ta nói. “Cũng khó mà phân định rõ được.”

Anh ta đẩy ghế ra sau và gác chân lên bàn, vươn vai ngáp một cái nửa vòi. “Mà muộn thế này rồi cô còn ở đây làm gì?”

Anh ta đang cố tình ma cũ bắt nạt ma mới. Dẫu sao cô cũng chỉ là một thanh tra cấp thấp, lại còn vừa chân ướt chân ráo tới đây.

Nhưng Katrine Bratt chỉ nhoẻn cười như thể anh ta vừa thốt ra điều gì hài hước lắm, sau đó cô rời khỏi phòng và đi khuất.

Biến mất. Nhắc tới mới nhớ. Skarre chửi thề một tiếng rồi ngồi thẳng dậy và quay về với chiếc máy vi tính.

Harry tỉnh giấc và nằm ngửa trên giường, đăm đăm nhìn lên trần nhà. Anh ngủ đã bao lâu rồi nhỉ? Anh quay lại ngó chiếc đồng hồ đặt trên kệ đầu giường. Bốn giờ kém mười lăm. Bữa tối vừa qua với anh đúng là một thử thách. Anh chỉ chăm chú nhìn miệng Rakel khi cô nói chuyện, nhấp rượu, nhai thịt và nuốt trọn lấy anh trong lúc kể với anh rằng cô và Mathias sẽ đến sống ở Botswana trong vài năm; chính phủ nước sở tại đã xây dựng chương trình chống HIV khá tốt, có điều họ lại thiếu y bác sĩ. Cô hỏi dạo này anh có gặp gỡ ai không. Và anh trả lời anh có gặp Øystein và Tresko, hai gã bạn thân từ hồi bé. Øystein nghiện rượu, là thiên tài máy tính lái taxi; Tresko nghiện rượu, là tay cờ bạc lẽ ra có thể giành chức quán quân cuộc thi poker thế giới nếu khả năng giữ mặt lạnh của gã cũng tốt như khả năng đọc vị các tay chơi. Anh thậm chí còn kể cho cô nghe về trận thua chí tử của Tresko trong giải vô địch poker thế giới ở Las Vegas, nhưng mới nói chưa được bao lâu thì anh chợt nhớ ra chuyện này anh từng kể rồi. Và cũng nào phải anh gặp hai tên ấy. Anh chẳng gặp gỡ ai hết.

Anh nhìn nhân viên phục vụ rót rượu vào ly ở bàn gần đó, trong một khoảnh khắc thiếu tỉnh táo, suýt chút nữa anh đã giằng lấy chai rượu từ tay anh ta và đưa lên miệng tu. Nhưng không, thay vào đó anh nhận lời đưa Oleg đến dự buổi trình diễn âm nhạc mà thằng bé đã tha thiết xin Rakel. Ban nhạc Slipknot. Harry giấu nhẹm không cho Rakel biết ban nhạc mà cô sắp tháo cũi sổ lồng cho cậu con trai đi xem thuộc thể loại gì, vì chính anh cũng muốn xem Slipknot biểu diễn. Những ban nhạc luôn phô diễn kiểu nấc như người hấp hối cùng đủ thứ biểu tượng liên quan đến quỷ Satan và tiếng trống bass dồn dập thường chỉ là trò cười đối với anh, nhưng riêng Slipknot thì anh lại thấy khá thú vị.

Harry hất chăn ra và đi vào bếp, vặn vòi cho nước lạnh chảy ra rồi khum tay hứng lấy và uống mấy ngụm. Anh luôn cho rằng nước sẽ ngon hơn khi uống trực tiếp từ chính đôi tay và làn da của mình. Rồi đột nhiên anh lại thả tay ra cho nước chảy xuống chậu rửa, dán mắt vào bức tường đen sì. Có phải anh vừa trông thấy thứ gì đó? Một vật nào đó chuyển động chăng? Không, không phải vật, chỉ là một chuyển động mà thôi, giống như những con sóng vô hình dưới đại dương ve vuốt đám tảo biển. Từ những sợi xơ đã chết nhô lên những ngón tay gầy guộc đến nỗi gần như không hiện hữu, những bào tử bung tỏa từ chuyển động dù là nhỏ nhất trong không khí để rồi đáp xuống những mảnh đất mới và bắt đầu ngốn ngấu, bòn rút. Harry bật radio trong phòng khách lên. Vậy là đã ngã ngũ. George W. Bush đã được trao thêm một nhiệm kỳ nữa ở Nhà Trắng.

Harry trở lại giường và kéo chăn lên trùm kín đầu.

Jonas choàng tỉnh khi nghe thấy tiếng động, nó lật tấm chăn phủ trên mặt ra. Chí ít nó nghĩ là có tiếng động. Âm thanh lạo xạo như thể lớp tuyết dính dưới chân ai đó vang lên trong không gian thinh lặng bao trùm kbắp khu nhà vào buổi sáng Chủ nhật. Chắc là nó nằm mơ. Nhưng cơn buồn ngủ không trở lại với Jonas dù thằng bé đã cố nhắm mắt. Thay vào đó, những mảnh ghép rời rạc của giấc mơ ban nãy lại tìm về. Trong mơ, bố đứng im lìm trước mặt nó, hình bóng phản chiếu trên mắt kính khiến cặp kính như được phủ một lớp băng không thể xuyên thấu.

Nhất định Jonas vừa gặp ác mộng, vì lúc này đây nó đang sợ lắm. Nó lại mở mắt ra và trông thấy chiếc chuông gió trên trần đung đưa. Bất thình lình nó nhảy khỏi giường, mở cửa rồi chạy ra hành lang. Chỉ khi đến cầu thang dẫn xuống tầng trệt nó mới dừng lại, cúi đầu nhìn bóng tối bên dưới, rồi lại cắm cổ chạy cho tới khi đứng trước phòng bố mẹ và hết sức thận trọng ấn tay nắm cửa xuống. Bỗng nó sực nhớ ra rằng lúc này bố đang đi công tác, nó nhất định phải đánh thức mẹ dậy mới được. Jonas nhẹ nhàng lách vào phòng. Ánh trăng rọi lên sàn một ô vuông màu trắng, trải dài cho đến tận chỗ chiếc giường đôi vẫn gọn gàng đâu ra đấy. Những con số trên chiếc đồng hồ báo thức điện tử vẫn sáng: 1 giờ 11 phút. Trong giây lát, Jonas hoang mang đứng sững ra đó.

Rồi nó lại chạy ra hành lang, đi về phía cầu thang. Những bậc thang tối om dường như đang nằm đó chờ đợi, chẳng khác nào khoảng không vô cùng vô tận. Tầng dưới hoàn toàn yên ắng, không một tiếng động.

“Mẹ ơi!”

Vừa nghe thấy nỗi khiếp sợ trong tiếng vọng ngắn ngủi, gay gắt của mình, Jonas lập tức hối hận vì đã gọi lớn. Vì giờ thì nó cũng biết. Bóng tối ấy.

Không có tiếng đáp lại.

Jonas nuốt khan. Rồi nó bắt đầu rón rén bước xuống.

Khi đặt chân lên bậc thang thứ ba, Jonas cảm thấy như vừa giẫm phải thứ gì đó ươn ướt. Bậc thang thứ sáu cũng vậy. Và bậc thứ tám cũng thế nốt. Cứ như thể có người đã đi giày ướt trong nhà. Hoặc đi chân ướt.

Đèn trong phòng khách vẫn sáng, nhưng không thấy bóng dáng mẹ đâu cả. Jonas bước tới bên cửa sổ và ngó ra nhìn về phía nhà Bendiksen. Thỉnh thoảng mẹ sang bên đó thăm Ebba. Nhưng cửa sổ nhà họ đều tối om.

Jonas đi vào bếp và tới chỗ đặt điện thoại, dẹp hết những ý nghĩ miên man qua một bên, không để bóng tối xâm chiếm tâm trí. Nó quay số điện thoại di động của mẹ. Niềm vui sướng trào dâng khi giọng nói dịu dàng cất lên. Nhưng đó chỉ là một lời nhắn, bảo nó hãy để lại họ tên rồi chúc nó một ngày tốt lành.

Giờ đâu phải ban ngày, là đêm mà.

Thằng bé ra ngoài hiên, xỏ chân vào đôi giày to sụ của bố, mặc chiếc áo bu-dông bên ngoài bộ đồ ngủ rồi bước ra sân. Mẹ nói ngày mai tuyết sẽ tan, nhưng trời vẫn giá lạnh, cơn gió hiu hiu rủ rỉ, rì rầm qua tán sồi bên cổng chính. Từ đây sang nhà Bendiksen chỉ gần trăm mét, và may thay lại có hai ngọn đèn đường soi tỏ. Hẳn là mẹ đang ở bên ấy. Nó ngó trái rồi ngó phải để chắc chắn không có người nào ngăn cản mình. Đột nhiên nó trông thấy người tuyết. Người tuyết vẫn đứng nguyên chỗ cũ, bất động nhìn về phía ngôi nhà, tắm mình trong ánh trăng lạnh lẽo. Thế nhưng trông nó hình như khang khác, có nét rất giống người, nhìn quen lắm. Jonas hướng ánh mắt về phía nhà Bendiksen. Nó định chạy thật nhanh sang đó, rồi lại thôi. Thằng bé đứng đó, cảm nhận cơn gió nhè nhẹ thổi tới, lạnh căm như xuyên thấu châu thân. Nó từ từ quay lại nhìn người tuyết. Lúc này đây Jonas mới nhận ra điều gì đã khiến người tuyết trông quen thuộc đến thế. Nó đang quàng khăn. Một chiếc khăn màu hồng. Chiếc khăn Jonas tặng mẹ hồi Giáng sinh.

## Ngày thứ hai

### MẤT TÍCH

Đến trưa, tuyết ở khu vực trung tâm thành phố Oslo đã tan hết. Nhưng tại Hoff, những mảng tuyết vẫn còn tụ lại ở công viên hai bên đường khi Harry Hole và Katrine Bratt lái xe qua. Trên radio, Michael Stipe đang hát về một dự cảm chẳng lành, về nguồn cơn của dự cảm ấy, linh tính báo rằng có chuyện không hay xảy ra và về cậu bé dưới giếng. Khi đến giữa khu dân cư yên tĩnh ở con phố thậm chí còn yên tĩnh hơn, Harry chỉ tay về phía chiếc Toyota Corolla màu bạc bóng loáng đang đỗ bên bờ rào.

“Xe của Skarre kìa. Cô đỗ phía sau đi.”

Ngôi nhà khang trang được sơn màu vàng. Quá rộng rãi đối với một gia đình ba người, Harry thầm nghĩ, khi cả hai bước trên lối đi rải sỏi. Mọi thứ quanh đây đều ướt sũng và như đang buông tiếng thở dài. Vườn nhà có một người tuyết với dáng đứng hơi nghiêng và viễn cảnh tương lai không lấy gì làm sáng sủa.

Skarre ra mở cửa. Harry cúi xuống quan sát ổ khóa.

“Không có dấu hiệu đột nhập ở bất cứ đâu trong nhà,” Skarre nói.

Skarre dẫn họ vào phòng khách có cậu bé đang ngồi trên sàn xem hoạt hình trên ti vi, lưng quay về phía họ. Một người phụ nữ đứng dậy khỏi sofa, bắt tay Harry và giới thiệu mình là Ebba Bendiksen, hàng xóm.

“Birte chưa bao giờ hành động như thế này,” bà nói. “Ít ra là từ khi tôi quen cô ấy đến nay.”

“Đến nay nghĩa là bao lâu?” Harry hỏi, đưa mắt nhìn quanh. Phía trước ti vi đặt bộ sofa da đồ sộ và bàn uống nước hình bát giác làm bằng kính tối màu. Mấy chiếc ghế ống thép bày quanh bàn ăn trông thật thanh thoát và tao nhã, đúng kiểu Rakel thích. Trên tường treo hai bức chân dung hai người đàn ông có phong thái chủ ngân hàng nhìn từ trên cao xuống với vẻ nghiêm trang đạo mạo. Bên cạnh là bức họa theo phong cách trừu tượng chủ nghĩa tân thời đã đánh mất dần tính hiện đại trong đó, nhờ thế lại trở nên siêu hợp thời.

“Mười năm,” Ebba Bendiksen nói. “Chúng tôi chuyển tới căn nhà bên kia đường đúng vào ngày Jonas chào đời.” Bà hất hàm về phía cậu bé vẫn đang ngồi im chăm chú xem những chú chim bay vụt đi và bầy sói đồng cỏ nổ tung.

“Hẳn bà là người đã báo cảnh sát đêm qua?”

“Vâng, đúng vậy.”

“Cậu bé gọi cửa nhà họ vào khoảng một giờ mười lăm phút,” Skarre nói, cúi nhìn cuốn sổ ghi chép. “Cảnh sát nhận được tin báo lúc một giờ ba mươi.”

“Vợ chồng tôi cùng Jonas quay về nhà họ, tìm kiếm một lượt trước,” Ebba Bendiksen phân trần.

“Ông bà tìm ở những đâu?” Harry hỏi.

“Tầng hầm. Các phòng ngủ. Gara. Chỗ nào cũng tìm. Một người tự dưng bốc hơi như thế thật quá kỳ lạ.”

“Bốc hơi?”

“Biến mất. Mất tăm mất tích. Viên cảnh sát nhận tin hỏi chúng tôi có thể trông Jonas được không, anh ta còn bảo chúng tôi gọi điện cho tất cả người quen của Birte và những ai cô ấy có thể đang ở cùng. Sau đó đợi thêm cho tới đầu giờ sáng để xem có phải Birte đi làm đêm không. Anh ta nói mười vụ thì có đến tám vụ người mất tích lại quay về sau vài giờ. Chúng tôi đã cố liên lạc với Filip…”

“Đó là chồng cô ta,” Skarre nói chen vào. “Anh ta có buổi lên lớp ở Bergen. Là giáo sư dạy môn gì đó.”

“Vật lý,” Ebba Bendiksen mỉm cười. “Tuy nhiên di động của anh ta lại tắt. Mà chúng tôi cũng không biết anh ta ở khách sạn nào.”

“Sáng nay đã có người gọi đến Bergen báo cho anh ta rồi,” Skarre nói. “Anh ta sẽ sớm về đây.”

“Vâng, tạ ơn Chúa,” Ebba nói. “Đến sáng, khi gọi điện tới chỗ làm của Birte và biết cô ấy không đến làm như thường lệ, chúng tôi đã báo lại với các anh.”

Skarre gật đầu xác nhận. Harry ra hiệu cho Skarre tiếp tục lấy lời khai của Ebba Bendiksen, còn mình lại chỗ chiếc ti vi và ngồi xuống sàn cạnh cậu bé. Phim đang chiếu cảnh một chú chó sói châm lửa dây dẫn ở đầu thanh thuốc nổ.

“Chào cháu, Jonas. Tên chú là Harry. Những chuyện như thế này thường sẽ đâu vào đây cả thôi, chú cảnh sát kia đã nói cho cháu biết điều ấy chưa? Người ta biến mất rồi lại tự tìm về ấy?”

Cậu bé lắc đầu.

“Nhưng đúng là thế đấy,” Harry nói. “Cháu thử đoán xem, lúc này mẹ có thể đang ở đâu?”

Nó nhún vai. “Cháu không biết.”

“Điều đó chú hiểu, Jonas ạ. Lúc này mọi người chẳng ai biết cả. Nhưng nếu mẹ cháu không ở nhà hoặc chỗ làm, cháu sẽ nghĩ đến nơi nào đầu tiên? Đừng bận tâm chuyện chắc chắn hay không.”

Thằng bé không đáp mà chỉ chăm chú xem con sói cuống cuồng tìm cách ném thanh thuốc nổ đang dính chặt vào tay đi.

“Có căn nhà nghỉ hoặc nơi nào đó tương tự mà gia đình cháu thường đến không?”

Jonas lắc đầu.

“Nơi chốn đặc biệt mà mẹ cháu hay đến khi muốn ở riêng một mình chẳng hạn?”

“Mẹ không thích ở một mình,” Jonas nói. “Mẹ muốn ở bên cạnh cháu.”

“Chỉ với cháu thôi sao?”

Cậu bé quay lại nhìn Harry. Jonas có đôi mắt nâu, giống Oleg. Harry đọc được trong đó nỗi khiếp đảm đúng như anh dự liệu và cả sự giận dữ anh không hề ngờ tới.

“Tại sao họ lại bỏ đi?” Jonas hỏi. “Những người trở về ấy ạ?”

Cũng đôi mắt ấy, Harry thầm nghĩ. Cũng những câu hỏi ấy. Những câu hỏi hệ trọng.

“Lý do thì vô vàn cháu ạ,” Harry nói. “Có người bị lạc. Người ta có thể lạc lối theo nhiều cách khác nhau. Cũng có người chỉ muốn nghỉ ngơi trong chốc lát và tìm đến nơi nào đó để được yên tĩnh.”

Cửa chính đóng sầm lại, Harry thấy thằng bé giật bắn mình.

Đúng lúc đó thanh thuốc nổ trong tay con sói nổ tung, và sau lưng hai chú cháu, cửa phòng khách bật mở.

“Xin chào,” một giọng nói cất lên. Vừa đanh sắc lại vừa điềm tĩnh. “Có tin gì mới chưa?”

Harry quay lại vừa đúng lúc một người đàn ông trạc năm mươi tuổi mặc vét đang sải bước về phía bàn phòng khách và cầm lấy chiếc điều khiển từ xa. Một tích tắc sau hình ảnh hoạt hình tắt phụt trong một tia sáng trắng và chiếc ti vi rít lên phản kháng.

“Bố đã dặn thế nào về chuyện xem ti vi vào ban ngày hả, Jonas?” ông ta nói bằng giọng chán nản, như thể muốn những người có mặt trong phòng hiểu rằng nuôi dạy con thời buổi này là một việc vô vọng.

Harry đứng dậy và giới thiệu tên mình, Magnus Skarre và Katrine Bratt, người trước đó vẫn chỉ đứng ngoài cửa quan sát.

“Filip Becker,” người đàn ông nói, đẩy gọng kính vốn đã nằm cao trên sống mũi. Harry cố khiến ông ta nhìn thẳng vào mình, cố thiết lập ấn tượng ban đầu tối quan trọng về người có khả năng trở thành nghi phạm, nếu sự việc diễn biến theo chiều hướng ấy. Nhưng đôi mắt ông ta đã bị hình ảnh phản chiếu trên cặp kính che mất.

“Tôi đã bỏ thời gian gọi điện cho tất cả những người có thể đã liên lạc với cô ấy, nhưng họ đều không biết gì cả,” Filip Becker nói. “Các anh có gì rồi?”

“Hiện giờ thì chưa,” Harry đáp. “Nhưng trước tiên ông có thể giúp đỡ chúng tôi bằng cách kiểm tra xem trong nhà có mất va li, ba lô hay quần áo nào không, rồi chúng tôi đưa ra giả thuyết.” Harry chăm chú nhìn Becker rồi mới nói tiếp. “Rằng việc vợ ông biến mất là hành động ngẫu hứng hay được lên kế hoạch từ trước.”

Becker đáp trả cái nhìn thăm dò của Harry rồi mới gật đầu và đi lên tầng trên.

Harry ngồi thụp xuống bên cạnh Jonas, thằng bé vẫn nhìn chăm chăm vào màn hình ti vi tối thui.

“Vậy ra cháu thích mấy chú gà lôi à?” Harry hỏi.

Nó chỉ lặng lẽ lắc đầu.

“Sao lại không?”

Lời thì thầm của Jonas gần như không rõ tiếng: “Cháu thấy sói Wile E. thật đáng thương.”

Năm phút sau Becker trở lại phòng khách và báo rằng trong nhà không mất gì, túi du lịch và quần áo vẫn còn nguyên, chỉ trừ bộ trang phục cô vợ mặc lúc ông ta rời nhà, với cái áo khoác, đôi bốt và khăn quàng.

“Ừm.” Harry đưa tay gãi chiếc cằm chưa cạo râu và đưa mắt về phía Ebba Bendiksen. “Ông vào bếp cùng tôi một lát được chứ, ông Becker?”

Becker đi trước, và Harry ra hiệu cho Katrine đi cùng. Vừa đến nơi, ông giáo sư lập tức xúc cà phê vào phin và rót nước vào máy pha. Katrine đứng ở ngưỡng cửa, còn Harry bước tới bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Cái đầu của người tuyết đã lún xuống giữa hai vai.

“Tối qua ông rời nhà lúc mấy giờ, bắt chuyến bay nào để đến Bergen?” Harry hỏi.

“Lúc tôi đi là khoảng chín rưỡi,” Becker đáp không chút do dự. “Máy bay cất cánh lúc mười một giờ năm phút.”

“Sau khi rời khỏi nhà ông có liên lạc gì với bà Birte không?”

“Không.”

“Theo ông thì chuyện gì đã xảy ra?”

“Tôi không biết, thanh tra ạ. Tôi thực sự không biết.”

“Hừm.” Harry nhìn ra con phố bên ngoài. Từ lúc tới đây, anh không hề nghe thấy tiếng ô tô chạy qua. Khu này quả là yên tĩnh. Chỉ riêng sự bình yên và tĩnh mịch ở khu vực này của thành phố chắc cũng đáng giá nửa triệu rồi. “Cuộc sống của vợ chồng ông thế nào?”

Harry nghe thấy Filip Becker bỗng dừng mọi việc đang làm lại nên anh vội nói thêm: “Tôi hỏi vậy là vì đôi lúc cũng có trường hợp người vợ hoặc chồng đột nhiên bỏ nhà ra đi.”

Filip Becker đằng hắng. “Xin khẳng định với anh rằng cuộc sống của vợ chồng tôi hoàn toàn tốt đẹp.”

“Ông đã nghĩ đến khả năng bà nhà ngoại tình sau lưng ông chưa?”

“Điều đó tuyệt đối không thể.”

“Tuyệt đối không thể là cụm từ khá mạnh đây, thưa ông Becker. Chuyện ngoại tình đầy ra đó.”

Filip Becker nở nụ cười yếu ớt. “Tôi không phải kẻ ngây thơ, thanh tra ạ. Birte là một phụ nữ hấp dẫn, lại trẻ hơn nhiều so với tôi. Cô ấy xuất thân trong một gia đình có tư tưởng tương đối thoáng, phải thú thật là như thế. Nhưng vợ tôi không phải loại người đó. Và nhìn chung tôi nắm khá rõ những việc cô ấy làm, có thể nói vậy.”

Chiếc máy pha cà phê rung ầm ầm như báo điềm gở khi Harry định lên tiếng tranh luận tiếp. Nhưng rồi anh lại đổi ý.

“Ông có nhận thấy tâm trạng bà nhà thay đổi thất thường không?”

“Birte không bị trầm cảm, thanh tra ạ. Cô ấy không đời nào một mình vào rừng rồi treo cổ hoặc nhảy xuống hồ tự tử. Cô ấy đang ở đâu đó và còn sống khỏe mạnh. Tôi có đọc được rằng rất nhiều người tự dưng biến mất rồi sau đó lại xuất hiện với những lý do hết sức tự nhiên và thường tình. Không phải vậy ư?”

Harry chậm rãi gật đầu. “Ông không phiền nếu tôi kiểm tra quanh nhà một lượt chứ?”

“Để làm gì?”

Câu hỏi cộc cằn của Filip Becker khiến Harry cho rằng người đàn ông này là kẻ thích kiểm soát. Luôn muốn người khác làm gì cũng phải báo cáo. Việc cô vợ bỗng dưng biến mất không một lời nhắn nhủ hoàn toàn mâu thuẫn với điều đó. Khả năng này Harry cũng đã loại trừ từ sớm. Những bà mẹ khỏe mạnh, thích ổn định không thể bỏ mặc đứa con lên mười mà đi giữa đêm. Và còn ti tỉ yếu tố khác nữa. Thường thì khi có người mất tích, trong giai đoạn đầu cảnh sát chỉ sử dụng nguồn lực tối thiểu để điều tra, trừ phi vụ việc có dấu hiệu tội phạm hoặc trọng án. Chính những yếu tố khác đã khiến Harry lặn lội tìm đến tận vùng Hoff này.

“Đôi khi ta chẳng thể biết được mình đang đi tìm thứ gì cho tới khi tìm thấy nó,” Harry đáp. “Đó là một phương pháp điều tra.”

Giờ thì anh đã thấy được đôi mắt của Becker đằng sau cặp kính. Khác với cậu con trai, đôi mắt của ông bố có màu xanh lơ, ánh lên tia sáng sắc sảo và tinh anh.

“Vậy thì xin mời,” Becker đáp. “Anh cứ việc kiểm tra.”

Căn phòng ngủ lạnh lẽo, không mùi, gọn gàng và ngăn nắp. Phủ trên chiếc giường đôi là tấm chăn sợi móc. Trên một kệ đầu giường có đặt bức ảnh một bà lão. Những nét tương đồng trong diện mạo khiến Harry đoán rằng giường bên đó là của Filip Becker. Chiếc kệ thứ hai bày ảnh của Jonas. Có hương nước hoa thoang thoảng trong tủ quần áo phụ nữ. Harry kiểm tra thấy rằng mắc treo trong đó cách đều nhau, thường là khi chủ nhân không đụng đến chúng một thời gian. Váy đen xẻ tà, áo len lửng với hoa văn hồng và nhũ. Dưới đáy tủ có mấy ngăn kéo. Harry kéo ngăn trên cùng ra. Nội y. Đen và đỏ. Ngăn tiếp theo. Quần tất và dây nịt tất. Ngăn thứ ba. Đồ trang sức đặt trong những hốc tròn lót vải nỉ đỏ tươi. Anh nhìn thấy một chiếc nhẫn màu mè to bản đính đá sáng lấp lánh. Tất cả trang sức đều mang chút hơi hướm của Vegas. Không một hốc nào để trống.

Trong phòng ngủ có một cánh cửa thông với nhà tắm mới được tân trang với buồng tắm hơi và hai bồn rửa bằng thép.

Bước sang phòng của Jonas, Harry ngồi xuống cái ghế nhỏ kê bên chiếc bàn cũng nhỏ. Trên bàn có một cái máy tính với nhiều chức năng tính toán phức tạp. Trông máy còn mới và có vẻ ít dùng. Treo phía trên bàn là tấm áp phích với bảy chú cá heo đang bơi tung tăng trong sóng và tờ lịch mười hai tháng. Vài ngày trong đó được khoanh tròn kèm theo những lời nhắc viết bé xíu. Harry đọc được ngày sinh nhật mẹ và ông, đi nghỉ ở Đan Mạch, hẹn nha sĩ lúc mười giờ và hai ngày trong tháng Bảy với chữ Bác sĩ bên trên. Nhưng Harry không thấy tên những trận bóng đá, những buổi xem phim hoặc tiệc sinh nhật. Anh chợt thấy trên giường có một chiếc khăn quàng màu hồng. Màu mà những cậu bé ở tuổi Jonas thà chết còn hơn phải dùng. Harry cầm chiếc khăn lên. Khăn vẫn ẩm, trên đó còn vương rất rõ mùi hương cơ thể, mùi tóc và cả hương nước hoa phụ nữ. Chính là mùi nước hoa trong tủ quần áo.

Anh trở lại nhà dưới. Dừng bước bên ngoài phòng bếp và lắng nghe Skarre tiếp tục thẩm vấn theo quy trình điều tra vụ mấy người mất tích. Có tiếng lanh canh của cốc cà phê va chạm. Bộ sofa trong phòng khách trông như càng vĩ đại hơn, có lẽ là do dáng người nhỏ bé đang ngồi đó đọc sách. Harry bước lại gần hơn và trông thấy bức ảnh chụp Charlie Chaplin trong bộ lễ phục chỉnh tề. Anh ngồi xuống bên cạnh Jonas.

“Cháu có biết Chaplin được phong tước hiệp sĩ không?” Harry hỏi. “Gọi là Sir Charlie Chaplin đấy.”

Jonas gật đầu. “Nhưng họ lại đuổi cổ ông ấy khỏi nước Mỹ.”

Jonas lật qua những trang sách.

“Đợt hè vừa rồi cháu bị bệnh à, Jonas?”

“Không ạ.”

“Nhưng cháu có đi khám bác sĩ mà. Những hai lần liền.”

“Mẹ cháu muốn đưa cháu đi khám. Mẹ…” Thằng bé bỗng dưng im bặt.

“Rồi mẹ sẽ sớm về thôi, cháu cứ chờ xem,” Harry nói, đặt tay lên đôi vai gầy guộc của Jonas. “Mẹ không mang theo khăn phải không? Chiếc khăn hồng trên giường của cháu ấy.”

“Có người đã quàng cái khăn đó cho người tuyết,” Jonas đáp. “Cháu đã mang nó vào.”

“Chắc mẹ cháu không muốn người tuyết bị lạnh cóng đây mà.”

“Mẹ sẽ chẳng bao giờ tặng chiếc khăn yêu thích của mình cho người tuyết đâu.”

“Thế thì hẳn là bố cháu rồi.”

“Không, là người khác quàng lên sau khi bố cháu đi. Tối hôm qua. Chính người đó đã bắt mẹ.”

Harry chậm rãi gật đầu. “Người tuyết là do ai đắp vậy Jonas?”

“Cháu không biết.”

Harry đưa mắt nhìn ra vườn qua cửa sổ. Đây là lý do anh tới đây. Một cơn gió lạnh thấu như thổi quanh bức tường và căn phòng.

Harry và Katrine lái xe dọc theo phố Sørkedalsveien hướng về khu Majorstuen.

“Cô nhận thấy điều gì trước nhất khi bước vào ngôi nhà đó?” Harry hỏi.

“Đôi vợ chồng này không hẳn tâm đầu ý hợp,” Katrine đáp, không dừng lại mà cho xe chạy thẳng qua trạm thu phí. “Có thể cuộc sống của họ không hạnh phúc, và nếu tôi đoán đúng, cô vợ là người khổ hơn cả.”

“Ừm. Sao cô nghĩ thế?”

“Rõ quá còn gì.” Katrine mỉm cười, đưa mắt nhìn vào gương. “Khiếu thẩm mỹ xung khắc chứ sao.”

“Giải thích đi.”

“Anh không thấy bộ sofa và cái bàn uống nước trông phát gớm đó à? Phong cách điển hình của thập niên 80, do đàn ông khuân về từ thập niên 90. Cô vợ thì lại chọn chiếc bàn ăn gỗ sồi màu trắng phủ sơn dầu với bốn chân bằng nhôm. Lại còn Vitra nữa chứ.”

“Vitra là sao?”

“Ghế phòng ăn ấy. Hàng Thụy Sĩ. Xịn lắm. Đắt đến nỗi nếu chọn một bộ khác có giá phải chăng hơn một chút, số tiền chênh lệch thừa sức cho cô ấy thay máu toàn bộ đồ nội thất chứ đếch phải dạng vừa đâu.”

Harry thấy hình như đếch không phải là từ bậy thường dùng của Katrine Bratt; sự đối lập thú vị trong cách dùng từ cho thấy con người cô là sự kết họp của hai giai tầng khác nhau.

“Nghĩa là?”

“Nhà to, lại nằm ở khúc đó Oslo, chứng tỏ tiền không phải là vấn đề. Cô vợ không được phép thay thế bộ sofa và bàn uống nước của chồng. Một gã đàn ông không có khiếu thẩm mỹ, cũng chẳng quan tâm đến bài trí nội thất, lại còn bảo thủ như vậy, thế là đủ biết ai trên cơ ai rồi còn gì.”

Harry gật đầu, chủ yếu là để cộng điểm cho chính mình. Ấn tượng ban đầu của anh về cô quả không sai. Katrine Bratt rất khá.

“Giờ nói tôi nghe anh nghĩ gì,” cô nói. “Tôi mới là người đang cần học hỏi.”

Harry hướng ánh mắt ra ngoài cửa sổ xe, ngắm nhìn quán cà phê Lepsvik cổ xưa, truyền thống, dù chẳng bao giờ được xếp vào hàng đáng trọng.

“Tôi không cho rằng Birte Becker tự nguyện đi khỏi nhà,” anh nói.

“Sao lại không? Trong nhà không hề có dấu hiệu bạo lực mà.”

“Vì mọi chuyện đã được sắp đặt kỹ càng.”

“Vậy thủ phạm là ai? Chồng cô ta à? Luôn là mấy ông chồng phải không?”

“Phải,” Harry đáp, biết rằng tâm trí đang trôi dạt đến tận phương nào. “Luôn là mấy ông chồng.”

“Chỉ có điều, người này đã đến Bergen vào tối qua.”

“Có vẻ thế.”

“Bay chuyến cuối, nên ông ta không thể quay về nhà mình rồi sau đó vẫn đến kịp tiết dạy đầu tiên.” Katrine cho xe tăng tốc và phóng vù qua giao lộ Majorstuen khi đèn đã chuyển vàng. “Nếu Filip Becker có tội thật thì ông ta đã sa vào cái bẫy anh giăng ra rồi.”

“Bẫy ư?”

“Ừ. Cái câu anh hỏi tâm trạng cô vợ có thất thường không ấy. Như vậy anh đã ngầm nói với Becker anh đang nghi ngờ cô ta tự sát.”

“Thế thì sao?”

Cô bật cười. “Thôi đi, Harry. Ai chẳng biết, và chính Becker cũng biết, cảnh sát chả bao giờ lãng phí nhân lực đi điều tra một vụ có khả năng là tự sát. Nói tóm lại, anh đã dâng cho ông ta cơ hội hùa theo một giả thuyết có thể tháo gỡ gần như toàn bộ vấn đề của ông ta, nếu ông ta thực sự là thủ phạm. Tuy nhiên, ông ta lại đáp rằng vợ mình lúc nào cũng vui như tết.”

“Ừm. Vậy cô cho rằng câu hỏi đó là để thử ông ta?”

“Anh lúc nào chẳng thích thử người khác. Harry. Đến tôi anh cũng có tha đâu.”

Harry không đáp cho tới khi cả hai đã đi được một đoạn khá xa trên phố Bogstadveien.

“Thường thì những người xung quanh thông minh hơn cô tưởng đấy,” anh nói rồi lại tiếp tục im lặng, chỉ đến lúc xe quành vào bãi đỗ của Sở Cảnh sát anh mới lên tiếng.

“Từ giờ đến hết ngày tôi cần làm việc độc lập.”

Harry nói vậy là vì nãy giờ anh cứ nghĩ mãi đến chiếc khăn màu hồng và đã đi đến một kết luận. Anh đang khẩn thiết muốn đọc báo cáo của Skarre về những vụ mất tích, cần xác thực gấp mối nghi hoặc cứ bám riết lấy anh. Và nếu sự việc diễn ra đúng như anh lo sợ, anh sẽ phải tới trình diện sếp Đội Hình sự Gunnar Hagen cùng với lá thư. Lá thư chết tiệt đó.

## Ngày 4 tháng Mười một năm 1992

### CỘT TOTEM

William Jefferson Blythe III cất tiếng khóc chào đời vào ngày 19 tháng Tám năm 1946 tại thị trấn Hope nhỏ bé thuộc tiểu bang Arkansas, đúng ba tháng sau vụ tai nạn giao thông cướp đi sinh mạng người cha của cậu. Bốn năm sau mẹ cậu tái hôn, William chuyển sang mang họ của cha dượng. Vào một buổi tối tháng Mười một năm 1992, bốn mươi sáu năm sau ngày cậu bé ấy hạ sinh, những bông pháo hoa giấy trắng tựa tuyết thi nhau rơi trên khắp các ngả đường ở Hope để mừng cho những hy vọng của người dân nơi đây, mừng cho người con của thị trấn, William - gọi tắt là Bill - Clinton, đã trở thành tổng thống thứ bốn mươi hai của Mỹ. Thế nhưng ở Bergen, những bông tuyết rơi trong đêm hôm ấy lại chẳng thể chạm tới mặt đất mà tan ra trong không trung như thường lệ, hóa thành cơn mưa bao trùm khắp thành phố, kiểu thời tiết đã kéo dài suốt từ giữa tháng Chín. Nào ngờ hôm sau khi bình minh thức giấc, một lớp bột trắng tinh như đường đã được bàn tay ai đó rắc lên bảy ngọn núi trấn giữ quanh thành phố xinh đẹp này. Và thanh tra Gert Rafto đã kịp có mặt tại đỉnh núi cao nhất, Ulriken. Ông hít thở bầu không khí trên núi và rùng mình, so vai, rụt cái đầu to lớn với khuôn mặt đầy nếp nhăn đến nỗi trông như thể bị rạch nhiều nhát.

Sau khi đưa ông cùng ba sĩ quan của Đơn vị Điều tra Hiện trường thuộc Sở Cảnh sát Bergen lên đến độ cao 642 mét phía trên thành phố, chiếc cabin cáp treo sơn vàng giờ đang nhè nhẹ đung đưa trên những sợi cáp bằng thép bền chắc, kiên nhẫn chờ đợi. Tuyến cáp treo tạm dừng hoạt động ngay khi những du khách đầu tiên trình báo sự việc sau chuyến tham quan ngọn núi nổi tiếng vào sáng hôm đó.

“Bốn phương là nhà,” một sĩ quan hiện trường buột miệng nói.

Khẩu hiệu quảng bá du lịch địa phương đã trở thành câu giễu nhại đối với người dân vùng Bergen ở Na Uy đến nỗi gần như chẳng ai nhắc đến nữa. Thế nhưng trong những tình huống nỗi sợ lên ngôi, câu nói thâm thúy nhất lại có đất dụng võ.

“Ừ, bốn phương là nhà,” Rafto lặp lại đầy mỉa mai, cặp mắt sáng long lanh sau những nếp nhăn trên làn da chảy nhão.

Thi thể nằm dưới tuyết bị chặt thành nhiều khúc, nếu không dựa vào một bầu ngực trần thì cảnh sát khó mà xác định được giới tính của nạn nhân. Phần thân xác còn lại khiến Rafto nhớ đến vụ tai nạn xảy ra ở Eidsvågneset vào năm ngoái, một chiếc xe tải vòng cua quá nhanh khiến những tấm nhôm chở trên xe văng tứ phía, băm nát chiếc ô tô ngược chiều đang trờ tới.

“Hung thủ đã giết rồi chặt xác nạn nhân ngay tại đây,” một viên cảnh sát nói.

Thông tin này có vẻ thừa thãi đối với Rafto bởi lớp tuyết xung quanh cái xác vấy đầy máu với những vệt máu lớn chảy về một bên cho thấy ít nhất một động mạch bị cắt đứt trong khi tim vẫn còn đập. Ông nhủ thầm phải nhớ tìm hiểu xem đêm qua tuyết ngừng rơi lúc mấy giờ. Lượt cáp treo cuối cùng xuất phát lúc năm giờ chiều. Dĩ nhiên, hung thủ và nạn nhân có thể chọn con đường mòn quanh co bên dưới tuyến cáp treo. Hoặc họ có thể bắt tàu hỏa leo núi Fløyen để lên đỉnh núi kế bên rồi đi bộ sang đây. Nhưng như vậy thì quá mất công, trực giác mách bảo Rafto chọn cáp treo.

Có hai loại dấu chân in trên tuyết. Dấu chân nhỏ hơn chắc chắn là của người phụ nữ, dù quanh đó không thấy đôi giày của cô ta. Dấu chân thứ hai là của hung thủ. Chúng hướng về phía con đường mòn.

“Dấu ủng to đấy,” một kỹ thuật viên trẻ măng có đôi má hõm lên tiếng, cậu ta là dân vùng biển, quê ở đảo Sotra. “Ít nhất cũng phải size 48. Tên này khá đô con đây.”

“Chưa chắc,” Rafto nói, khụt khịt mũi đánh hơi. “Dấu chân không đều trong khi mặt đất quanh đây lại bằng phẳng. Điều đó chứng tỏ tên này đi ủng rộng hơn so với cỡ chân. Chắc hắn định đánh lừa chúng ta.”

Rafto cảm thấy mọi ánh mắt đổ dồn về phía mình. Ông biết lúc này bọn họ đang nghĩ gì. Rằng ông lại thể hiện rồi đây, ngôi sao hết thời mà còn cố tỏa sáng, nhân vật từng được giới truyền thông hết mực sùng bái: khuôn mặt to lớn, lạnh như tiền, nhiệt huyết sục sôi. Tóm lại là hình mẫu lý tưởng để giật tít. Nhưng rồi cũng đến lúc tên tuổi của ông khiến những người xung quanh ngộp thở, cả báo giới lẫn các đồng nghiệp. Thiên hạ bắt đầu bóng gió rằng Gert Rafto là kẻ duy ngã độc tôn, vì cái tôi quá lớn mà ông ta làm mếch lòng kha khá người sống và bước qua xác vô số người chết. Song ông tuyệt nhiên không bận tâm. Bọn họ chẳng có gì để buộc tội ông cả. Ít ra là không nhiều. Này là vật trang trí lạ mắt rẻ tiền bỗng biến mất khỏi hiện trường vụ án. Hay món trang sức hoặc chiếc đồng hồ vốn thuộc về người quá cố, những thứ ta thường cho rằng chẳng ai để ý. Nhưng đến một ngày, một đồng nghiệp của Rafto trong lúc tìm bút đã vô tình mở ngăn kéo bàn làm việc của ông. Chí ít theo lời anh ta thì là thế. Trong đó có ba chiếc nhẫn. Rafto bị triệu đến phòng sếp để giải trình, rồi được dặn phải giữ mồm giữ miệng và đừng tắt mắt nữa. Tất cả chỉ có thế. Nhưng tin đồn đã kịp lan đi. Ngay cả giới truyền thông cũng biết. Bởi vậy, chẳng có gì lạ khi những cáo buộc cảnh sát hành hung tới tấp đổ về Sở, các bằng chứng xác thực thu được không lâu sau đó đều chỉ đích danh một người. Chính là nhân vật lý tưởng để giật tít.

Gert Rafto có tội, việc đó thì chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng có một điều mà ai cũng biết, ấy là vị thanh tra kia chỉ là kẻ giơ đầu chịu báng cho thứ văn hóa đã ăn sâu bám rễ trong Sở Cảnh sát Bergen bao năm qua. Tất cả chỉ vì ông đã ký tên trong các báo cáo liên quan đến những vụ tù nhân - chủ yếu là những kẻ ấu dâm và buôn bán ma túy - bị ngã khi đang đi trên cầu thang sắt cũ kỹ để về buồng giam, khiến người ngợm bầm tím chỗ này chỗ nọ.

Báo giới rất tàn nhẫn. Biệt danh họ đặt cho ông, Sắt thay vì Gert, tuy không độc đáo cho lắm nhưng dù sao cũng hợp. Một tay ký giả đã phỏng vấn vài kẻ thù truyền kiếp của ông ở cả hai phe chính tà, dĩ nhiên bọn chúng chả tội gì không chộp lấy cơ hội ăn miếng trả miếng. Đến khi con gái của Rafto đi học về trong tiếng nức nở vì bị bạn bè chế nhạo, vợ ông nói rằng bà chịu đựng hết nổi rồi, bà không thể trơ mắt ngồi đó nhìn ông kéo cả nhà xuống vũng bùn như thế được. Và cũng như bao lần trước, ông không giữ nổi bình tĩnh. Sau đó bà dắt theo cô con gái, lần này một đi không trở lại.

Khoảng thời gian ấy thật khó khăn, nhưng ông không bao giờ đánh mất chính mình. Ông là Rafto Sắt. Khi hết thời hạn đình chỉ, với quyết tâm được ăn cả ngã về không, ông làm việc quần quật hòng giành lại những gì đã mất. Nhưng chẳng ai muốn rộng lòng tha thứ, những vết thương đã ăn quá sâu, và ông cũng nhận thấy trong nội bộ có sự chống đối không cho ông trồi lên. Dĩ nhiên chúng không muốn ông tìm lại ánh hào quang ngày nào và khiến cả cảnh sát lẫn giới truyền thông nhớ đến những gì chúng đã cố công chôn vùi. Những tấm ảnh chụp bao thân xác tả tơi với chiếc còng trên tay. Nhưng ông sẽ cho chúng thấy. Cho chúng thấy Gert Rafto không phải là người dễ dàng bị chôn vùi khi thời ông chưa tới. Thành phố này thuộc về ông, không phải của mấy tay công tác xã hội, hoặc đám bất tài vô dụng, những tên miệng lưỡi lươn lẹo ngồi văn phòng chỉ giỏi ton hót, bợ đỡ lũ chính khách địa phương và đám nhà báo cánh tả.

“Chụp lấy vài tấm rồi xác định danh tính nạn nhân cho tôi,” Rafto nói với kỹ thuật viên đang cầm máy ảnh.

“Ai mà nhận diện được thứ này chứ?” Cậu ta chỉ.

Rafto bỏ ngoài tai giọng điệu khó nghe. “Người nào đó đã hoặc sẽ báo tin tìm người phụ nữ mất tích này. Bảo làm thì cứ làm đi, cậu nhóc.”

Rafto trèo lên đỉnh núi và ngoái lại quan sát vùng cao nguyên mà dân Bergen gọi là vidden. Ông nhìn khắp miền quê, ánh mắt dừng lại ở một ngọn đồi và hình bóng có vẻ như của một người đang đứng trên đỉnh. Nếu đúng thế thật thì người đó không hề nhúc nhích. Hay đấy là một ụ đá nhỉ? Rafto căng mắt ra nhìn. Ông từng cùng vợ và con gái đi dạo ở đây hàng trăm lần rồi, nhưng ông không nhớ có bao giờ trông thấy ụ đá nào không. Ông lại đi xuống chỗ cabin cáp treo, trao đổi đôi câu với nhân viên điều hành và hỏi mượn anh ta chiếc ống nhòm. Mười lăm giây sau, Rafto xác nhận vật đó không phải ụ đá mà chỉ là ba quả cầu tuyết lớn được xếp chồng lên nhau mà thôi.

Rafto chẳng ưa gì khu vực triền núi ở Bergen, nơi được gọi là Fjellsiden với phong cảnh đẹp như tranh, những căn nhà gỗ ngả nghiêng không được trang bị hệ thống bảo ôn với cầu thang và tầng hầm bên dưới, tọa lạc trong những ngõ hẹp ánh mặt trời chẳng bao giờ rọi tới. Các cậu ấm cô chiêu thường mạnh tay chi đến hàng triệu để được sở hữu một căn nhà gốc ở Bergen, rồi sau đó tân trang cho tới miếng ván nhà cũ cũng không còn. Ở đây giờ đã vắng tiếng chân trẻ con chạy trên lối đi lát gạch; chi phí đắt đỏ từ lâu đã gạt những gia đình trẻ ở Bergen ra các vùng ngoại ô bên kia núi. Nơi này giờ vắng vẻ và cô liêu chẳng khác nào dãy phố với những cửa hiệu ế ẩm. Vậy nhưng Rafto vẫn có cảm giác như bị theo dõi khi đứng trên bậc tam cấp bằng đá và nhấn chuông.

Lát sau cửa mở và một khuôn mặt phụ nữ có nước da nhợt nhạt phảng phất lo lắng ngó ra nhìn ông với vẻ sửng sốt.

“Onny Hetland phải không?” Rafto hỏi, giơ thẻ cảnh sát lên. “Việc này liên quan đến Laila Aasen bạn cô.”

Căn hộ nhỏ, bài trí rối rắm: phòng tắm ở sau nhà bếp, giữa phòng ngủ và phòng khách. Trong phòng khách với giấy dán tường đỏ tía in hoa văn, Onny Hetland chỉ nhét được một chiếc sofa và một ghế bành màu xanh lục pha cam. Khoảng trống hiếm hoi còn lại trên sàn cũng bị một chồng tuần san cùng hàng đống sách và đĩa CD chiếm mất. Rafto bước qua cái đĩa đựng nước lật úp và con mèo để tới chỗ chiếc sofa. Onny Hetland ngồi trên ghế bành nghịch nghịch chiếc vòng cổ đang đeo. Trên mặt đá xanh có một vết nứt màu đen. Không hiểu là hàng lỗi hay đá tự nhiên vốn thế.

Sáng nay Onny Hetland mới hay bạn mình đã chết, người báo tin cho cô là Bastian, chồng của Laila. Dẫu vậy, trên gương mặt cô vẫn toát lên những biểu cảm biến đổi rõ rệt khi Rafto kể lại chi tiết vụ án không chút kiêng dè.

“Khiếp quá,” Onny Hetland khẽ nói. “Bastian không hề nhắc đến những điều này.”

“Vì chúng tôi không công khai các tình tiết đó,” Rafto đáp.

“Tôi nghe Bastian nói cô là bạn thân nhất của Laila.”

Onny gật đầu.

“Cô có biết Laila leo lên đỉnh Ulriken để làm gì không? Chồng cô ấy cũng không biết. Hôm qua, Bastian và các con đến thăm mẹ anh ta ở Floro.”

Onny lắc đầu. Cái lắc đầu rất dứt khoát. Đúng ra không thể khiến ai nghi ngờ. Nhưng điểm mấu chốt không nằm ở cử chỉ này, mà ở sự do dự chỉ một phần trăm giây trước đó. Và Gert Rafto cũng chỉ cần đúng một phần trăm giây ấy mà thôi.

“Đây là một vụ giết người, cô Hetland ạ. Tôi hy vọng cô nhận thức rõ mức độ nghiêm trọng của sự việc và những nguy cơ có thể xảy đến với cô khi không khai báo đầy đủ những gì cô biết.”

Cô ném về phía vị cảnh sát có khuôn mặt chó bull cái nhìn bối rối. Rafto đã đánh hơi thấy con mồi.

“Nếu cô cho rằng làm vậy là đang nghĩ cho gia đình người quá cố thì cô nhầm rồi. Sớm muộn gì mọi chuyện cũng lộ ra thôi.”

Cô nuốt khan. Trông cô như đang sợ hãi, sợ ngay từ khi ra mở cửa. Vậy là ông tung ra cú hích cuối cùng, lời dọa dẫm tuy nhỏ nhặt mà vẫn hiệu quả không ngờ cả với kẻ có tội lẫn người vô tội.

“Nếu bây giờ cô không nói thì mời cô về đồn để chúng tôi thẩm vấn.”

Nước mắt cô ứa ra, giọng nói gần như không thành tiếng cất lên từ đâu đó sâu trong cổ họng. “Cô ấy tới đó gặp một người.”

“Ai?”

Onny Hetland run rẩy hít một hơi. “Laila chỉ cho tôi biết tên thánh và nghề nghiệp của người đó thôi. Và rằng đó là bí mật của cô ấy, không được để ai biết. Nhất là Bastian.”

Rafto cúi nhìn cuốn sổ tay để giấu đi niềm phấn khích. “Và cái tên cùng nghề nghiệp đó là gì vậy?”

Ông ghi lại lời của Onny. Chăm chú nhìn tập giấy. Cái tên khá phổ biến. Nghề nghiệp cũng thế. Nhưng Bergen là thành phố tương đối nhỏ nên ông nghĩ thông tin đó chắc cũng đủ rồi. Rafto tin tưởng, bằng tất cả những gì ông có, rằng mình đang đi đúng hướng. Và tất cả những gì ông có nghĩa là ba mươi năm trong nghề và những hiểu biết về bản tính con người dựa trên sự thù ghét loài người nói chung.

“Hãy hứa với tôi điều này,” Rafto nói. “Đừng kể cho bất cứ ai những gì cô vừa nói với tôi. Dù là người nhà, phóng viên, hoặc nhân viên cảnh sát nào cô tiếp xúc. Cô hiểu chứ?”

“Ngay cả với… cảnh sát cũng không nói ư?”

“Tuyệt đối không được. Tôi là người chỉ đạo cuộc điều tra, và tôi có toàn quyền xử lý đối với thông tin này. Trừ phi tôi có yêu cầu khác, cô cứ coi như không biết gì.”

Cuối cùng cũng xong, Rafto thầm nghĩ trong lúc đứng trên bậc tam cấp bên ngoài. Ánh sáng chợt lóe lên trên ô kính khi cánh cửa sổ phía đằng xa trong ngõ mở ra, và một lần nữa ông có cảm giác như đang bị theo dõi. Nhưng có hề gì. Báo thù là đặc quyền của ông. Của riêng ông mà thôi. Gert Rafto cài cúc áo khoác, hầu như không biết đến cơn mưa rào rào trút xuống, ông sải bước trên những con phố trơn ướt để tới trung tâm thành phố Bergen trong niềm hân hoan với chiến thắng thầm lặng của mình.

Lúc này là năm giờ chiều, mưa rải khắp Bergen như thể ống nước nhà trời đang hỏng. Trên chiếc bàn trước mặt Gert Rafto là một danh sách tên ông yêu cầu cơ quan quản lý nghề nghiệp cung cấp. Ông bắt đầu tìm những đối tượng trùng tên trước. Đến giờ chỉ ra có ba người. Từ lúc nói chuyện với Onny Hetland đến giờ mới được hai tiếng, thế nhưng Rafto đã nghĩ không lâu nữa ông sẽ tìm ra danh tính kẻ giết Laila Aasen. Vụ án được phá trong vòng chưa đầy mười hai tiếng. Không ai có thể cướp đi điều đó của ông, vinh quang chỉ thuộc về mình ông. Vì ông sẽ đích thân quăng tin cho báo chí. Những cơ quan truyền thông lớn đã kéo đến vùng núi và đang bu quanh trụ sở cảnh sát. Cảnh sát trưởng yêu cầu không được để lộ bất cứ thông tin gì về nạn nhân, thế nhưng đám kền kền đó đã kịp đánh hơi thấy một vụ đẫm máu rồi.

“Chắc chắn có người tuồn tin ra,” vị cảnh sát trưởng nói thế, dán mắt vào Rafto. Rafto không đáp, cũng không để nụ cười toe toét đang cố kìm giữ được dịp phô ra. Mấy kẻ đó hiện đang chầu chực ngoài kia, chuẩn bị báo cáo. Chẳng bao lâu nữa, Gert Rafto sẽ lại làm vua của Sở Cảnh sát Bergen như ngày nào.

Ông vặn nhỏ chiếc radio có Whitney Houston lải nhải suốt mấy tháng mùa thu rằng sẽ yêu bạn trọn đời, nhưng ông chưa kịp nhấc điện thoại lên thì chuông reo.

“Rafto đây,” ông bực bội nói, sốt ruột muốn giải quyết cho xong.

“Tôi mới là người ông cần tìm.”

Chính chất giọng là điều khiến vị thanh tra thất thế lập tức hiểu rằng đây không phải chuyện đùa hay trò chơi khăm của kẻ nào đó. Giọng nói vang lên thản nhiên và điềm tĩnh, ăn nói như chuyện làm ăn, không giống hạng khùng điên hoặc say xỉn bình thường. Nhưng trong đó còn ẩn chứa một đặc điểm nữa mà ông chưa thể nhận ra ngay.

Rafto ho lớn hai tiếng. Ông cố tình kéo dài thời gian như muốn chứng tỏ mình không hề bị bất ngờ. “Ai đang nói vậy?”

“Ông biết mà.”

Rafto nhắm mắt lại, thầm văng tục trong đầu. Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp, thằng giết người đang tính tự nộp mạng. Như vậy làm sao đủ sức gây ảnh hưởng bằng việc đích thân ông, Rafto, bắt được hung thủ.

“Sao biết là tôi đang tìm?” vị cảnh sát hỏi qua hàm răng nghiến chặt.

“Đơn giản là biết thôi,” giọng nói đáp. “Và nếu chúng ta làm theo cách của tôi, ông sẽ có được những gì ông muốn.”

“Thế tôi muốn gì nào?”

“Muốn tóm cổ tôi. Và ông sẽ làm được. Một mình. Ông có nghe không đấy, Rafto?”

Vị cảnh sát gật đầu trước khi lên dây cót tinh thần và đáp có.

“Gặp tôi ở cột totem trong công viên Nordnes,” giọng nói vang lên. “Đúng mười phút nữa.”

Rafto cố nghĩ. Công viên Nordnes nằm bên cạnh Thủy Cung; ông có thể tới đó trong vòng chưa đầy mười phút. Nhưng trong vô vàn địa điểm, sao lại chọn công viên ở tận cùng mũi đất?

“Bằng cách đó tôi sẽ biết ông có đi một mình hay không,” người đó nói như để trả lời câu hỏi ông đặt ra trong đầu. “Nếu thấy tên cảnh sát nào đi cùng hoặc ông tới muộn, tôi sẽ biến mất. Vĩnh viễn.”

Đầu Rafto căng ra suy nghĩ, tính toán và đưa ra kết luận. Ông sẽ không kịp huy động một đội truy bắt. Trong báo cáo giấy, ông sẽ cần giải trình lý do tại sao ông buộc phải một mình tiến hành bắt giữ. Thật hoàn hảo.

“Được rồi,” Rafto nói. “Tiếp theo là gì đây?”

“Tôi kể tất cả mọi chuyện cho ông và đưa ra những điều kiện đầu hàng.”

“Điều kiện thế nào?”

“Tôi không muốn bị còng ở phiên tòa. Báo giới không được phép tham dự. Và tôi sẽ thụ án ở nơi nào đó tôi không cần phải tiếp xúc với những phạm nhân khác.”

Rafto tí nữa thì sặc. “Được,” ông nói và xem đồng hồ đeo tay.

“Khoan, vẫn còn điều kiện khác. Phòng giam có ti vi, những cuốn sách tôi yêu cầu.”

“Chuyện đó có thể thu xếp được,” Rafto nói.

“Khi ông ký vào thỏa thuận đồng ý với điều kiện của tôi, tôi sẽ đi cùng ông.”

“Thế còn…?” Rafto vừa nói thì những tiếng bíp bíp bíp liên tục vang lên báo với ông rằng đầu dây bên kia đã ngắt máy.

Rafto đỗ xe bên xưởng đóng tàu Bergen. Tuy đây không phải con đường ngắn nhất, nhưng ông có thể nhìn bao quát công viên Nordnes tốt hơn khi đi từ đó vào. Công viên rộng lớn này nằm trên địa hình mấp mô với những con đường mòn và mấy ngọn đồi cỏ úa vàng. Cây cối chĩa những ngón tay xương xẩu đen sì lên những đám mây dày ùa vào từ vùng biển phía sau đảo Askøy. Một người đàn ông vội vã chạy theo sau chú chó Rottweiler đang sốt ruột kéo căng sợi dây dắt. Rafto chạm vào khẩu súng lục Smith & Wesson nằm trong túi áo khoác khi ông sải bước qua vũng biển Nordnes: bồn địa màu trắng trống rỗng chẳng khác nào bồn tắm khổng lồ bên bờ biển.

Phía sau khúc quanh ông thoáng trông thấy cột totem cao mười mét, món quà nặng hai tấn được gửi đến từ Seattle nhân dịp kỷ niệm Bergen tròn chín trăm tuổi. Ông có thể nghe rõ tiếng thở của mình và tiếng lá ướt lép nhép dưới chân. Trời lại bắt đầu mưa. Những hạt mưa li ti hắt lên mặt ông.

Một hình bóng đơn độc đứng bên cột totem, quay về phía Rafto như thể người đó thừa biết Rafto sẽ tới từ hướng đó chứ không phải hướng ngược lại.

Rafto siết chặt khẩu súng trong lúc đi nốt đoạn đường cuối cùng. Khi chỉ còn cách hai mét, ông đứng sững lại. Căng mắt ra nhìn trong mưa. Không thể nào.

“Ngạc nhiên chưa?” giọng nói cất lên, và đến bây giờ ông mới nhận ra.

Rafto không đáp. Não ông đã bắt đầu hoạt động trở lại.

“Ông tưởng ông biết tôi,” kẻ đó nói. “Nhưng tôi mới là người hiểu ông. Vì thế tôi đoán ông sẽ xử lý việc này một mình.”

Rafto chỉ nhìn chằm chằm.

“Là một trò chơi,” giọng nói cất lên.

Rafto đằng hắng. “Trò chơi?”

“Đúng vậy. Ông thích chơi trò chơi mà.”

Rafto nắm lấy báng súng lục, giữ súng sao cho không vướng vào túi nếu cần rút ra thật nhanh.

“Sao lại là tao mà không phải ai khác?” ông hỏi.

“Vì ông là người giỏi nhất. Tôi chỉ thách đấu người giỏi nhất thôi.”

“Đồ điên,” Rafto thì thào nhưng ngay lập tức hối hận vì lời vừa nói.

“Điều đó,” kẻ kia đáp với nụ cười thoáng qua, “chắc không có gì phải nghi ngờ. Nhưng ông cũng điên, bạn của tôi ạ. Chúng ta đều điên. Những linh hồn trăn trở không tìm được lối về. Luôn luôn là thế. Ông có biết người Anh điêng làm ra những thứ này nhằm mục đích gì không?”

Người đứng trước mặt Rafto giơ bàn tay đi găng, gõ đốt ngón trỏ lên thân cây; những hình người xếp chồng lên nhau giương cặp mắt đen to tướng vô hồn, đăm đăm nhìn ra vịnh hẹp.

“Để trông chừng những linh hồn,” kẻ đó nói tiếp. “Để chúng không lạc lối. Nhưng cây cột totem rồi sẽ mục nát. Và phải như thế, đây là một phần quan trọng. Khi cây cột mất, linh hồn phải đi tìm nơi trú ngụ mới. Có thể là một chiếc mặt nạ. Một tấm gương. Hoặc là một đứa trẻ sơ sinh chẳng hạn.”

Những tiếng kêu khàn khàn vọng ra từ khu nuôi chim cánh cụt trong Thủy Cung.

“Có định nói cho tao biết vì sao mày giết người phụ nữ ấy không?” Rafto nói và nhận ra giọng mình cũng trở nên khàn đặc.

“Tiếc rằng trò chơi chấm dứt rồi, Rafto ạ. Nói chung cũng khá vui.”

“Làm thế nào mày biết mình đang bị săn đuổi?”

Bóng người giơ tay lên, Rafto lùi lại một bước theo phản xạ. Kẻ đó đang cầm một vật đung đưa. Một chiếc vòng cổ. Dưới chuỗi vòng có mặt đá xanh hình giọt nước với vết nứt màu đen. Rafto cảm thấy tim mình đập mạnh.

“Thực ra, lúc đầu Onny Hetland không chịu khai gì. Nhưng rồi cô ta cho phép mình… nói thế nào nhỉ… bị thuyết phục.”

“Nói láo,” Rafto đáp trả mà không dám thở và cũng không dám chắc.

“Cô ta bảo ông đã dặn cô ta không được khai với những cảnh sát khác. Chính vào lúc đó tôi nhận ra ông sẽ chấp nhận lời đề nghị của tôi và một mình tới chỗ hẹn. Vì ông nghĩ rằng đây sẽ là nơi trú ngụ mới cho linh hồn ông, sự hồi sinh của ông. Đúng không?”

Những hạt mưa mong manh lạnh lẽo hắt lên mặt Rafto như những giọt mồ hôi. Ông đã đặt ngón trỏ lên cò súng và cố gắng nói thật chậm rãi, thật điềm tĩnh.

“Mày chọn sai địa điểm rồi. Sau lưng là biển, xe cảnh sát thì đang đỗ trên những con đường ngoài kia. Chẳng ai thoát được đâu.”

Kẻ đứng trước mặt ông khụt khịt đánh hơi. “Ông có ngửi thấy không, Gert?”

“Ngửi thấy cái gì?”

“Nỗi sợ. Adrenalin có một mùi rất đặc trưng. Nhưng mấy điều này ông đều biết cả rồi. Tôi tin ông ngửi thấy mùi đó trên người những tù nhân bị ông đánh đập. Laila cũng tỏa ra mùi y hệt. Nhất là khi cô ta trông thấy đống dụng cụ tôi sắp dùng. Mùi của Onny thậm chí còn nặng hơn. Có lẽ là nhờ nghe ông kể về Laila nên cô ta cũng biết chuyện gì sắp xảy đến với mình. Cái mùi đó kích thích ra phết, ông có nghĩ thế không? Tôi đọc được ở đâu đó rằng một số động vật ăn thịt dùng nó để tìm mồi. Cứ thử tưởng tượng cảnh con mồi run rẩy cố gắng ẩn nấp dù biết rằng thứ mùi toát ra từ chính nỗi sợ của nó sẽ giết chết nó.”

Rafto nhận thấy đôi tay đi găng buông thõng của kẻ đó trống không. Giờ đang là ban ngày, nơi này lại gần với khu trung tâm của thành phố lớn thứ nhì Na Uy. Dù đã có tuổi nhưng nhờ cai rượu mấy năm gần đây nên thể chất Rafto vẫn còn khỏe mạnh. Phản xạ tốt, kỹ năng chiến đấu hầu như không mai một. Hành động rút khẩu súng lục chắc chắn chỉ cần một tích tắc. Vậy thì vì lý do gì mà ông lại sợ hãi đến nỗi răng đánh lập cập trong miệng như thế này?

## Ngày thứ hai

### ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

Sĩ quan cảnh sát Magnus Skarre ngả người trên chiếc ghế xoay và nhắm mắt lại. Hình ảnh hiện ra liền sau đó vận bộ vét và đứng quay mặt về phía anh ta. Anh ta mở choàng mắt và nhìn đồng hồ đeo tay. Sáu giờ. Skarre quyết định mình xứng đáng được nghỉ ngơi sau khi hoàn tất quy trình cơ bản tìm kiếm người mất tích. Anh ta đã gọi điện đến các bệnh viện để xem họ có tiếp nhận bệnh nhân nào tên Birte Becker không. Rồi gọi cho hai hãng taxi, Norgestaxi và Oslo Taxi, để hỏi về những chuyến xe chạy gần khu Hoff đêm qua. Gọi đến ngân hàng của cô ta và được họ xác nhận cô ta không hề rút khoản tiền lớn nào trước khi mất tích, ngân hàng cũng không nhận lệnh rút tiền vào tối hôm trước và trong hôm nay. Cảnh sát ở sân bay Gardermoen được cho xem danh sách hành khách đi máy bay đêm qua, nhưng vị khách duy nhất mang họ Becker là Filip chồng cô ta, trên chuyến bay đến Bergen. Skarre cũng đã hỏi những công ty phà có tuyến chở khách đến Đan Mạch hoặc Anh, dù cô ta khó có khả năng chạy sang Anh nếu chồng cô đang giữ hộ chiếu và đã trình với cảnh sát. Anh chàng sĩ quan giàu tham vọng còn gửi cả bản fax bảo mật thông thường tới các khách sạn tại Oslo và Akershus, cuối cùng còn dặn tất cả các đơn vị tác nghiệp ở Oslo - bao gồm cả đội tuần tra - chú ý tìm kiếm cẩn thận.

Vấn đề duy nhất chưa giải quyết được chính là chiếc điện thoại di động.

Magnus gọi điện báo cáo tình hình cho Harry. Viên thanh tra thở không ra hơi, Magnus nghe thấy tiếng chim ríu rít vọng vào điện thoại. Harry hỏi han đôi câu về chiếc di động rồi ngắt máy. Sau đó Skarre đứng dậy bước ra hành lang. Cửa phòng làm việc của Katrine Bratt mở toang, đèn vẫn sáng nhưng không có người. Anh ta đi cầu thang lên căng tin ở tầng trên.

Lúc này căng tin không phục vụ đồ ăn, tuy nhiên vẫn có sẵn cà phê ấm trong bình giữ nhiệt, bánh nướng giòn và mứt trên xe đẩy cạnh lối vào. Chỉ có bốn người ngồi trong phòng, nhưng một trong số đó là Katrine Bratt ngồi ở bàn kê sát tường. Cô đang đọc tài liệu kẹp trong tập bìa hồ sơ. Trước mặt cô là một ly nước và hộp đồ ăn trưa với hai chiếc sandwich đã bóc. Cô đang đeo kính. Gọng và mắt kính mỏng đến nỗi khó mà nhận ra được.

Skarre rót cho mình cốc cà phê rồi bước tới bàn của cô.

“Tính làm thêm giờ, đúng không?” anh ta hỏi và ngồi xuống.

Magnus Skarre nghĩ hình như cô thở dài một tiếng trước khi ngẩng lên.

“Sao tôi đoán ra hả?” Anh ta mỉm cười. “Sandwich tự làm. Trước khi rời nhà, cô đã biết căng tin đóng cửa lúc năm giờ và cô sẽ ở lại làm thêm. Thật tiếc, nhưng nghề thanh tra cảnh sát là thế đấy.”

“Vậy sao?” cô nói mà chẳng thèm chớp mắt và lại cố đọc tiếp tài liệu.

“Phải,” Skarre đáp, nhấp cà phê và tranh thủ cơ hội ngắm cô thật kỹ. Cô ngồi ngả về phía trước, anh ta có thể trông thấy viền ren áo lót của cô lấp ló qua cổ áo cánh. “Như vụ điều tra người mất tích hôm nay chẳng hạn. Những thông tin tôi có thì người khác cũng có cả rồi. Thế nhưng tôi vẫn ngồi đây và ngẫm nghĩ biết đâu cô ta vẫn đang ở Hoff. Bị vùi dưới tuyết hoặc đống lá cây chẳng hạn. Hoặc có thể nằm dưới một cái hồ nhỏ hoặc dòng suối nào đó.”

Katrine Bratt không đáp.

“Cô có biết tại sao tôi lại nghĩ thế không?”

“Không,” cô đáp bằng giọng đều đều, không buồn rời mắt khỏi tập tài liệu.

Skarre nhoài người qua bàn và đặt một chiếc điện thoại di động ngay trước mặt cô. Katrine đành ngẩng lên với vẻ cam chịu.

“Đây là một chiếc điện thoại di động,” anh ta nói. “Chắc cô cho rằng nó là phát minh khá mới. Nhưng vào tháng Tư năm 1973, cha đẻ của nó, Martin Cooper, đã có cuộc nói chuyện đầu tiên qua điện thoại di động với bà vợ ở nhà. Dĩ nhiên lúc ấy ông ta không hề biết phát minh này sẽ trở thành một trong những biện pháp quan trọng nhất giúp cảnh sát truy tìm người mất tích. Nếu muốn trở thành thanh tra hạng khá, cô phải chịu khó lắng nghe và học hỏi, Bratt ạ.”

Katrine bỏ kính ra, nhìn Skarre và tủm tỉm cười, nụ cười anh ta thích nhưng không thực sự hiểu rõ ý nghĩa. “Tôi xin rửa tai lắng nghe.”

“Tốt,” Skarre nói. “Birte Becker cũng sở hữu một cái. Điện thoại di động phát ra những tín hiệu được các trạm thu phát sóng trong khu vực tiếp nhận. Không chỉ khi chúng ta liên lạc thì tín hiệu mới truyền đi, mà chỉ cần mang theo máy là đủ. Ngay từ đầu người Mỹ đã gọi điện thoại di động là ‘cellular phone’, vì nó hoạt động trong vùng phủ sóng của những trạm thu phát đặt ở các khu vực nhỏ, gọi là ‘cell’. Tôi đã yêu cầu nhà mạng Telenor kiểm tra, trạm thu phát sóng ở Hoff vẫn nhận được tín hiệu từ điện thoại di động của Birte. Nhưng chúng tôi lục soát toàn bộ ngôi nhà mà không tìm thấy chiếc điện thoại nào. Cô ta không thể đánh rơi đâu đó gần nhà, như vậy thì quá trùng hợp. Bởi thế…” Skarre giơ hai tay lên, điệu bộ như nhà ảo thuật vừa kết thúc màn trình diễn, “sau chầu cà phê này, tôi sẽ liên hệ với Phòng Điều tra và cử một đội tìm kiếm đến đó.”

“Chúc may mắn,” Katrine nói, đưa trả anh ta chiếc điện thoại và lật một trang tài liệu.

“Cô đang xem một trong những vụ án cũ của Hole đấy à?” Skarre hỏi.

“Đúng vậy.”

“Anh ta cho rằng có kẻ sát nhân hàng loạt đang lộng hành.”

“Tôi biết.”

“Vậy sao? Thế chắc cô cũng biết rằng anh ta sai toét chứ? Mà không phải là lần đầu đâu nhé. Tay Hole này bị ám ảnh lạ thường bởi những kẻ sát nhân hàng loạt. Anh ta cứ tưởng mình đang ở Mỹ. Nhưng anh ta đã tìm ra tên sát nhân hàng loạt nào trên đất nước này đâu.”

“Ở Thụy Điển cũng có vài tên. Thomas Quick. John Ausonius. Tore Hedin…”

Magnus Skarre phá lên cười. “Hóa ra cô cũng chịu khó tìm hiểu đấy. Nhưng nếu cô muốn học hỏi đôi điều về quy trình điều tra đúng nghĩa, thì tôi với cô làm chầu bia đi.”

“Cảm ơn, tôi không…”

“Và có lẽ kiếm cái bỏ bụng nữa. Hộp đồ ăn kia đâu có lớn.” Skarre cuối cùng cũng bắt được ánh mắt cô và giữ lấy. Cái nhìn của cô ánh lên tia sáng lạ, như thể ẩn sâu bên trong là một ngọn lửa đang âm ỉ cháy. Skarre chưa bao giờ trông thấy tia sáng nào như thế. Và anh ta cho rằng tất cả là do mình; anh ta đã thắp lên ngọn lửa đó và qua cuộc nói chuyện này, anh ta đã tiến vào hàng đồng minh của cô.

“Cô có thể xem như đó là…” anh ta mở lời rồi làm bộ như đang tìm từ thích hợp, “phụ đạo đi.”

Cô cười. Nụ cười tươi rói.

Skarre cảm thấy mạch đập dồn; người nóng bừng, chưa gì anh ta đã tưởng như có thể cảm nhận thân thể cô áp sát vào mình, một bên đầu gối đi tất đặt dưới ngón tay anh ta, những tiếng lách tách khi bàn tay anh ta trượt dần lên trên.

“Anh muốn gì hả Skarre? Muốn khui hàng váy mới trong đơn vị à?” Nụ cười càng rạng rỡ và ánh mắt càng sáng rực. “Quất cô ả càng sớm càng tốt, cái cách tụi con trai vẫn hay nhổ vào mấy miếng bánh sinh nhật lớn nhất để ung dung thưởng thức trước những đứa khác?”

Magnus Skarre có cảm giác hàm mình như vừa rớt xuống.

“Để tôi cho anh vài mẹo thiện chí nhé, Skarre. Đừng có dây vào gái cơ quan. Đừng phí thời gian uống cà phê trong căng tin nếu cho rằng mình đang có đầu mối sốt dẻo. Và đừng làm ra vẻ anh có quyền gọi cho Phòng Điều tra. Người anh phải gọi là thanh tra Hole, anh ấy mới có quyền quyết định triệu tập đội tìm kiếm hay không. Và sau đó anh ấy sẽ gọi cho Trung tâm Đáp ứng Khẩn cấp, khi các thành viên đã sẵn sàng, chứ không chỉ có mỗi một đội ở đây thôi đâu.”

Katrine vo tròn tờ giấy sáp gói bánh sandwich và ném về phía thùng rác sau lưng Skarre. Chẳng cần ngoái lại anh ta cũng biết cô ném trúng. Cô thu xếp tài liệu rồi đứng dậy, nhưng đến lúc này Skarre đã xoay xở trấn tĩnh lại được phần nào.

“Tôi không biết cô đang tưởng tượng gì, Bratt. Cái loại có chồng rồi còn đàng điếm như cô chắc ở nhà chưa ăn đủ nên mới hy vọng đàn ông như tôi thèm… thèm…” Skarre không tìm nổi từ nào để nói. Bố khỉ, không thể nói được gì mới chết chứ. “Tôi chỉ đề nghị bảo ban cho cô đôi điều thôi, đồ đĩ thõa.”

Khuôn mặt cô đột nhiên thay đổi - như thể một tấm màn vừa được vén lên cho anh ta nhìn thấu ngọn lửa. Trong giây lát, anh ta cho rằng cô sẽ đánh mình. Nhưng không có gì xảy ra cả. Và khi cô lên tiếng, anh ta nhận ra tất cả những điều đó chỉ xuất hiện trong đôi mắt cô mà thôi; Katrine không hề động một ngón tay và giọng nói của cô bình tĩnh tuyệt đối.

“Xin lỗi nếu tôi hiểu nhầm anh,” cô nói, dù nét mặt cô cho thấy điều đó khó lòng xảy ra. “Nhân tiện, Martin Cooper không gọi cho vợ mà gọi cho đối thủ của ông ta, Joel Engel ở Phòng thí nghiệm Bell. Anh nghĩ ông ta muốn bảo ban đôi điều hả Skarre? Hay khoe khoang?”

Skarre nhìn cô bỏ đi, nhìn bộ vét ôm lấy vòng ba của cô trong lúc cô uốn éo đi ra cửa căng tin. Khốn kiếp, ả đàn bà này đúng là mất trí rồi! Anh ta rất muốn đứng dậy cầm thứ gì đó ném cô ta. Nhưng anh ta biết mình sẽ ném trượt. Vả lại, anh cũng không có ý định nhúc nhích, vì sợ rằng đũng quần đang nhô lên của mình vẫn còn lộ quá.

Harry cảm thấy hai lá phổi như đang ép chặt vào mạng sườn. Nhịp thở của anh đã dần ổn định. Nhưng trái tim thì khác, nó vẫn đập như trống dồn trong lồng ngực. Bộ quần áo tập ướt đẫm mồ hôi khi anh dừng lại bên bìa rừng cạnh nhà hàng Ekeberg. Nhà hàng có thiết kế chú trọng công năng này được xây dựng trong thời kỳ trung gian giữa hai cuộc chiến, nơi đây từng là nguồn vui và niềm tự hào của Oslo, nằm cheo leo trên triền núi phía Đông nhìn xuống thành phố. Nhưng thực khách đã không còn muốn lặn lội đi từ trung tâm thành phố tới khu rừng nữa, thế nên nhà hàng làm ăn ngày một thua lỗ, dần lụn bại rồi trở thành chốn dừng chân tồi tàn của những vũ công hết thời, đám bợm rượu trung niên và những tâm hồn cô đơn đang muốn tìm đến với nhau. Cuối cùng, nơi này cũng bị đóng cửa. Harry luôn thích lái xe lên đây, lánh xa bầu không khí vàng vọt ngập ngụa khói xe ở thành phố bên dưới, chạy bộ theo những lối mòn chằng chịt trên địa hình dốc vừa là thử thách vừa khiến axit lactic thiêu đốt cơ bắp trên người anh. Anh hay dừng lại bên công trình đổ nát là nhà hàng đẹp đẽ thuở nào, ngồi trên mặt đất còn ướt nước mưa, cỏ cây um tùm, trông xuống thành phố từng thuộc về anh nhưng mọi cảm xúc giờ đã nguội lạnh, vật đổi sao dời, người cũ nay đã có tình mới.

Thành phố nằm trong thung lũng bốn bề là núi, muốn di tản chỉ có cách đi qua vùng vịnh hẹp. Các nhà địa chất nói rằng Oslo tọa lạc trên miệng của một núi lửa đã tắt. Và trong những buổi tối như hôm nay, Harry hình dung ánh đèn thành phố là những lỗ hổng trên mặt đất, qua đó có thể trông thấy dòng dung nham sáng rực bên dưới. Nhìn về phía khu [ski jump](file:///D:\Ebook-Center\Người%20Tuyết.docx#Ski_jump_la_mot_loai_hinh_truot) Holmenkollen có hình dấu phẩy màu trắng lung linh trên ngọn núi bên kia thành phố, anh cố ước đoán vị trí căn nhà của Rakel.

Ski jump là một loại hình trượt tuyết đổ dốc kết hợp với nhảy xa.

Anh lại nghĩ đến lá thư đó. Nghĩ đến cuộc điện thoại vừa rồi với Skarre về việc chiếc di động không rõ tăm tích của Birte vẫn phát ra tín hiệu. Giờ nhịp tim anh đã chậm lại, bơm máu và truyền tín hiệu ổn định, đều đặn đến não để nói rằng sự sống vẫn tồn tại. Giống như điện thoại di động với trạm thu phát sóng. Trái tim, Harry thầm nghĩ. Tín hiệu. Lá thư. Một ý nghĩ bệnh hoạn. Vậy mà sao anh vẫn chưa dẹp nó đi? Sao còn tính toán phải mất bao lâu để chạy đến chỗ chiếc ô tô, lái tới Hoff và xem xem ai mới là kẻ bệnh hoạn hơn?

Rakel đứng bên cửa sổ phòng bếp trông ra ngoài sân nhà, nơi những cây vân sam chắn hết tầm mắt của cô khi nhìn về phía nhà hàng xóm. Trong buổi họp khu dân cư, cô đã nêu ý kiến chặt bớt vài cây để lấy thêm ánh sáng, nhưng đáp lại cô là thái độ im ỉm thiếu nhiệt tình quá lộ liễu nên cô chẳng buồn đề nghị biểu quyết nữa. Hàng cây giúp che đi ánh mắt soi mói của người lạ và dân Holmenkollen thích như thế hơn. Tuyết vẫn phủ trắng khu vực phía trên thành phố, nơi những chiếc BMW và Volvo nhẹ nhàng lách qua những khúc cua để trở về mái ấm có cửa gara tự động cùng bữa tối được sửa soạn bởi chính tay các bà nội trợ dáng chuẩn đang tạm rời xa công việc, với sự giúp đỡ chút đỉnh của những cô trông trẻ.

Qua lớp sàn rắn chắc của căn nhà gỗ cha cô để lại, Rakel vẫn nghe thấy tiếng nhạc văng vẳng trong phòng Oleg ở tầng hai. Led Zeppelin và nhóm the Who. Hồi mười một tuổi, cô không tài nào hình dung nổi mình có thể nghe được âm nhạc của thế hệ bố mẹ. Nhưng Harry lại tặng mấy CD ấy cho Oleg và thằng bé có vẻ thực sự thích thú.

Cô nghĩ đến Harry ngày một gầy rộc đi, dần dần héo mòn. Ký ức của cô về anh cũng vậy. Có chăng thật đáng sợ khi một người từng thân thiết với ta lại có thể tàn lụi và tan biến. Hoặc cũng có thể lý do là đây; hai người một thời quá thân thì khi chia xa, tất cả bỗng đâu như không thực, như giấc mơ sẽ sớm rơi vào quên lãng vì nó chỉ xảy ra trong tâm trí ta mà thôi. Có thể vì thế cô mới sốc khi gặp lại anh. Khi ôm anh, hít hà mùi hương của anh, nghe giọng anh không phải qua điện thoại mà từ chính chiếc miệng với đôi môi mềm mại lạ kỳ trên gương mặt rắn rỏi nhiều nếp nhăn hơn bao giờ hết. Nhìn vào đôi mắt xanh ánh lên những tia sáng biến chuyển linh hoạt trong lúc anh nói chuyện. Y như ngày nào.

Vậy nhưng cô vẫn mừng vì chuyện hai người đã chấm dứt, cô đã để tất cả lại phía sau. Người đàn ông này đã trở thành người mà cô không thể cùng vun đắp tương lai, người sẽ không đem hiện thực lếch thếch của anh vào đời của mẹ con cô.

Cô thấy ổn hơn nhiều. Rất rất nhiều. Cô nhìn đồng hồ. Không lâu nữa anh ấy sẽ tới. Vì, khác hẳn với Harry, anh ấy thường rất đúng hẹn.

Mathias đến với cô hoàn toàn bất ngờ vào một ngày nọ. Tại bữa tiệc trong vườn được tài trợ bởi Hội đồng Dân cư Holmenkollen. Anh không sống tại đây nhưng được bạn bè mời đến dự, anh và Rakel đã ngồi tâm sự gần như cả tối. Chủ yếu nói về cô. Anh lắng nghe rất chăm chú, hơi giống kiểu của bác sĩ, cô nghĩ vậy. Rồi hai ngày sau anh gọi điện mời cô đi dự triển lãm ở Trung tâm Nghệ thuật Henie-Onstad tại Høvikodden. Anh mời cả Oleg đi cùng vì ở đó cũng đang có triển lãm dành cho thiếu nhi. Thời tiết hôm ấy rất tệ, triển lãm cũng xoàng còn Oleg thì quạu quọ cả buổi. Nhưng Mathias đã cố gắng thay đổi không khí bằng khiếu hài hước và những bình luận chua cay về tài năng của người nghệ sĩ. Sau đó anh lái xe đưa hai mẹ con cô về, xin lỗi vì đã mời họ đi chơi và mỉm cười hứa sẽ không bao giờ dẫn họ đến bất cứ đâu nữa. Dĩ nhiên là trừ phi mẹ con cô yêu cầu. Sau hôm ấy, Mathias đi Botswana một tuần. Và anh gọi cho cô đêm anh về tới nhà, hỏi xem liệu anh gặp lại cô lần nữa có được không.

Cô nghe thấy tiếng ô tô về số để lên lối đi dốc. Anh lái chiếc Honda Accord đời cổ. Không hiểu sao cô lại thích như vậy. Anh luôn đỗ phía trước gara chứ không bao giờ đánh xe vào trong. Và cô cũng thích cả điều đó nữa. Cô thích việc anh đem theo quần áo lót và đồ dùng vệ sinh cá nhân trong túi đựng đồ qua đêm mà anh luôn mang về khi chia tay cô vào sáng hôm sau. Cô thích việc anh hỏi cô có muốn gặp lại anh nữa không, anh không coi bất cứ điều gì là lẽ đương nhiên cả. Chuyện đó có thể sẽ thay đổi, nhưng cô đã sẵn sàng cho sự thay đổi ấy rồi.

Anh bước ra khỏi xe. Anh cao, gần bằng Harry, khuôn mặt trẻ trung cởi mở hướng về phía cửa sổ phòng bếp với một nụ cười, dù cô biết chắc anh đã kiệt sức sau ca làm việc kéo dài như hành xác. Đúng vậy, cô đã sẵn sàng cho điều đó. Cho người đàn ông đang ở bên cô, yêu cô và ưu ái ba người họ hơn hết thảy mọi thứ. Cô nghe thấy tiếng mở khóa cửa chính. Chìa khóa cô đã đưa cho anh vào tuần trước. Lúc ấy trông Mathias hết sức ngỡ ngàng, chẳng khác nào đứa trẻ vừa được trao tấm vé tham quan nhà máy sô cô la.

Cửa mở, anh bước vào nhà và cô nhào vào vòng tay anh. Dường như đến cả chiếc áo khoác len anh mặc cũng có mùi hương thật dễ chịu. Chất len mềm còn vương cái lạnh của mùa thu áp trên má cô, nhưng hơi ấm bình yên bên trong đã truyền sang cho cô.

“Sao vậy em?” Anh bật cười, vùi mặt vào tóc cô.

“Em chờ đợi điều này đã lâu lắm rồi,” cô thì thầm.

Cô nhắm mắt lại, họ đứng bên nhau như vậy một lúc.

Cô buông anh ra và ngước lên nhìn gương mặt tươi cười của anh. Anh thật ưa nhìn. Ưa nhìn hơn Harry.

Mathias lùi lại, cởi áo khoác, treo lên và bước tới bên bồn vệ sinh để rửa tay. Đó là thói quen của anh mỗi khi từ khoa Giải phẫu về, ở đó họ sử dụng thi hài thật để giảng bài. Và Harry cũng làm vậy mỗi lần về thẳng nhà sau các vụ án mạng. Mathias mở tủ bên dưới bồn rửa, bỏ khoai tây đựng trong bao vào bồn rửa bát và vặn vòi cho nước chảy ra.

“Ngày hôm nay em làm gì?”

Cô nghĩ phần lớn đàn ông sẽ hỏi thăm về buổi tối hôm trước; dù gì anh cũng biết cô có hẹn với Harry. Và cô cũng thích điều đó ở anh. Cô kể cho anh nghe trong lúc nhìn ra cửa sổ. Ánh mắt cô lướt qua hàng cây vân sam, hướng về phía thành phố đã bắt đầu lên đèn phía bên dưới. Anh đang ở đâu đó dưới kia. Dấn thân vào cuộc săn vô vọng vì một thứ chưa bao giờ và sẽ chẳng bao giờ anh tìm được. Cô thấy tội cho anh. Sự cảm thông là tất cả những gì còn sót lại. Thực ra, tối qua đã có lúc cả hai chìm vào im lặng, ánh mắt nhìn nhau không rời, chẳng thể nào dứt ra ngay được. Cảm giác như sốc điện, nhưng chỉ tích tắc sau, tất cả đã chấm dứt. Thật sự kết thúc. Không còn chút ma lực vấn vương. Cô đã có quyết định của mình rồi. Cô đứng phía sau Mathias, vòng tay ôm anh và tựa đầu lên tấm lưng vạm vỡ.

Cô cảm thấy những cơ bắp bên dưới áo anh đang cử động trong lúc anh gọt khoai và bỏ vào nồi.

“Giá có thêm vài củ nữa thì tốt,” anh nói.

Cô chợt nhận thấy có chuyển động ở cửa bếp và quay lại.

Oleg đang đứng đó nhìn họ.

“Con xuống tầng hầm lấy giúp mẹ mấy củ khoai tây nhé?” cô nói và thấy đôi mắt Oleg tối sầm lại.

Mathias ngoái nhìn. Oleg vẫn ở nguyên chỗ cũ.

“Để anh đi cho,” Mathias nói và lấy ra chiếc xô bên dưới bồn rửa.

“Không,” Oleg nói, tiến về phía trước hai bước. “Để cháu.” Nó cầm lấy cái xô trong tay Mathias rồi quay người bỏ đi.

“Thằng bé sao vậy em?” Mathias hỏi.

“Nó hơi sợ bóng tối,” Rakel thở dài.

“Anh cũng đoán ra được, nhưng sao nó còn đi?”

“Vì Harry bảo nó nên làm thế.”

“Làm gì cơ?”

Rakel lắc đầu. “Những việc nó sợ. Và không muốn tiếp tục sợ nữa. Trước đây, khi đến chơi, Harry thường sai Oleg xuống tầng hầm suốt.”

Mathias cau mày.

Rakel nở nụ cười buồn. “Anh ấy đâu phải bác sĩ tâm lý trẻ em. Mà Oleg sẽ chẳng chịu nghe em nếu Harry nêu ý kiến trước. Nói vậy chứ dưới đó làm gì có con quái vật nào.”

Mathias vặn núm điều khiển bếp và thấp giọng hỏi, “Làm sao em dám chắc?”

“Mathias?” Rakel bật cười. “Anh cũng từng sợ bóng tối à?”

“Có ai nói là đã từng đâu nhỉ?” Mathias cười ranh mãnh.

Phải, cô thích anh. Hãy cứ để mọi chuyện như thế này sẽ tốt hơn. Cuộc sống của cô cũng thế. Cô thích anh, đúng vậy, cô thực sự thích anh.

Harry tấp xe vào vệ đường phía trước nhà Becker. Anh ngồi trong ô tô đăm đăm nhìn ánh sáng vàng từ những ô cửa sổ hắt xuống sân vườn. Người tuyết đã tóp lại bằng một chú lùn. Nhưng bóng của nó vẫn vươn tới những hàng cây và kéo dài đến tận bờ rào.

Harry bước ra khỏi xe. Cánh cổng sắt kêu lên ai oán khiến anh nhăn mặt. Anh biết lẽ ra anh nên gọi điện trước; vườn hay nhà thì cũng đều nằm trên đất riêng. Nhưng anh không thể kiên nhẫn và cũng chẳng muốn trao đổi bất cứ điều gì với giáo sư Becker.

Mặt đất ướt có độ đàn hồi tốt. Anh ngồi thụp xuống. Ánh sáng phản xạ trên người tuyết như thể nó được làm từ thủy tinh mờ. Ban ngày tuyết tan ra khiến các tinh thể băng nhỏ xíu kết lại thành những tinh thể lớn, nhưng lúc này nhiệt độ lại giảm, hơi nước ngưng tụ rồi đóng băng phía trên. Kết quả là lớp tuyết trắng tinh xốp mịn lúc sáng giờ đã nén lại thành một khối xam xám thô ráp.

Harry giơ tay phải lên. Siết lại thành nắm đấm. Và thụi một cú.

Cái đầu người tuyết bị đấm vỡ rụng rời khỏi vai và lăn xuống bãi cỏ héo úa.

Harry đấm tiếp, lần này là từ trên xuống xuyên qua phần cổ. Ngón tay anh quặp lại như hình móng vuốt, bới trong đống tuyết cho tới khi tìm được thứ mình muốn.

Anh rút tay lên và đắc thắng giơ ra trước mặt người tuyết, cách Lý Tiểu Long vẫn làm, để đối thủ chứng kiến trái tim vừa được anh móc ra từ trong lồng ngực hắn.

Đó là một chiếc điện thoại di động Nokia màu đỏ và bạc. Máy vẫn còn đang bật.

Nhưng rồi niềm vui chiến thắng nhanh chóng lụi tàn. Vì anh biết đây không phải bước đột phá trong công tác điều tra mà chỉ là một cảnh nhỏ trong vở rối với những sợi dây vô hình được điều khiển bới bàn tay kẻ khác. Việc này quá ư đơn giản. Chiếc điện thoại được đặt ở đó là để cảnh sát tìm ra.

Harry bước tới cửa trước và nhấn chuông. Người ra mở là Filip Becker. Tóc tai ông ta rối bù, cà vạt thì xộc xệch. Ông ta chớp mắt vài cái thật mạnh như thể vừa ngủ dậy.

“Phải,” ông ta trả lời Harry. “Đây đúng là kiểu điện thoại cô ấy dùng.”

“Nhờ ông gọi vào máy bà được không?”

Filip Becker mất hút vào trong còn Harry đứng đó chờ đợi. Đột nhiên Jonas ló đầu ra qua ngưỡng cửa ở hiên nhà. Harry đang định chào thằng bé thì đúng lúc ấy, chiếc di động màu đỏ bỗng cất lên giai điệu ca khúc thiếu nhi: “Blåmann, blåmann, bukken min”. Harry nhớ lại câu hát tiếp theo in trong cuốn sách nhạc hồi còn đi học: Tenk på vesle gutten din. Hãy nghĩ đến cậu bé con.

Và anh thấy gương mặt Jonas sáng bừng lên. Thấy dòng tư duy liền mạch đang diễn ra trong tâm trí cậu bé, nét hoang mang hiện ra liền sau đó và niềm hân hoan khi nghe thấy tiếng chuông điện thoại của mẹ dần biến thành vẻ khiếp đảm cực độ. Harry nuốt khan. Đó là nỗi khiếp đảm quá đỗi quen thuộc đối với anh.

Bước vào căn hộ của mình, Harry ngửi thấy mùi thạch cao và mùn cưa. Những tấm thạch cao ở tường hành lang đã bị gỡ xuống và xếp thành chồng trên sàn. Có mấy vết lem mờ trên bức tường đằng sau. Harry quệt ngón tay lên lớp bụi màu trắng bám trên mặt sàn gỗ. Anh đưa lên miệng nếm. Có vị mặn. Đó là vị của nấm mốc ư? Hay chỉ là muối đang lan rộng, tòa nhà đang đổ mồ hôi? Harry đánh bật lửa và rướn người về phía bức tường. Chẳng có gì để mà thấy, mà ngửi.

Khi đã leo lên giường và nằm nhìn đăm đăm vào bóng tối kín bưng trong phòng, Harry chợt nghĩ đến Jonas. Và mẹ của mình. Nghĩ đến mùi của bệnh tật, khuôn mặt mẹ từ từ tan vào sắc trắng của chiếc gối. Ngày qua ngày, tuần qua tuần, anh chơi cùng Sis trong lúc bố anh dần trở nên trầm lặng và những người xung quanh hành xử như chẳng có chuyện gì xảy ra. Anh nghe thấy tiếng sột soạt khe khẽ đâu đó ngoài hành lang thì phải. Như thể những sợi dây múa rối vô hình đang nhân lên, dài ra và âm thầm lan đi khắp nơi trong lúc chúng nuốt chửng lây bóng tối, tạo nên thứ ánh sáng lung linh yếu ớt đang lay động và run rẩy.

## Ngày thứ ba

### SỐ LIỆU ẨN

Ánh sáng buổi sớm mai yếu ớt rọi qua bức màn sáo trong văn phòng sếp Đội Hình sự, phủ lên khuôn mặt hai người đàn ông một màu xám xịt. POB Hagen đang lắng nghe Harry nói, vầng trán trầm tư nhăn lại phía trên hàng lông mày đen rậm rì dính vào nhau. Trên chiếc bàn làm việc khổng lồ có bày chân đế nhỏ với một đốt xương ngón tay màu trắng, theo lời khắc trên đế thì đó là xương của tiểu đội trưởng Yoshito Yasuda thuộc quân đội Nhật Bản. Trong thời gian giảng dạy tại trường quân đội, Hagen thường kể về ngón tay út mà Yasuda đã tuyệt vọng chặt bỏ ngay trước mặt binh sĩ dưới quyền trong cuộc di tản khỏi Miến Điện vào năm 1944. Mới một năm hước thôi, Hagen được cơ quan cũ là sở cảnh sát mời về phụ trách Đội Hình sự, và sau bao nhiêu chuyện xảy ra trong thời gian đó, ông ta lắng nghe khá kiên nhẫn trong lúc điều tra viên giàu kinh nghiệm trình bày về chủ đề người mất tích.

“Chỉ tính riêng ở Oslo đã có hơn sáu trăm người được báo mất tích mỗi năm. Sau vài giờ trình báo, chỉ còn vài người trong số đó vẫn chưa rõ tung tích. Gần như không có người nào mất tích quá vài ngày.”

Hagen di ngón tay lên những sợi lông nối liền hai bên chân mày trên sống mũi. Ông ta còn phải chuẩn bị cho cuộc họp bàn về ngân sách trong văn phòng cảnh sát trưởng. Xoay quanh chủ đề cắt giảm.

“Những người mất tích phần lớn là bệnh nhân tâm thần trốn viện hoặc người cao tuổi suy giảm trí lực,” Harry nói tiếp.

“Nhưng ngay cả những người thần trí tương đối tỉnh táo chạy trốn đến Copenhagen hoặc tự sát thì rốt cuộc cũng đều được tìm thấy. Họ có tên trong danh sách hành khách, rút tiền ở ATM hoặc trôi dạt vào bờ biển.”

“Ý cậu là gì?” Gunnar Hagen hỏi và liếc đồng hồ.

“Là đây,” Harry đáp, quẳng đánh bộp một tập hồ sơ màu vàng lên bàn sếp.

Hagen nhoài người tới và lật qua xấp tài liệu đóng ghim đâu ra đấy. “Trời đất, Harry. Cậu đâu phải típ người chịu viết báo cáo.”

“Công lao đó thuộc về Skarre,” Harry nói, không thích nhiều lời. “Còn kết luận là của tôi, mà giờ tôi sẽ trực tiếp trình bày với sếp.”

“Làm ơn nói ngắn thôi.”

Harry cúi nhìn hai bàn tay đặt trong lòng. Đôi chân dài duỗi thẳng về phía trước. Anh hít sâu một hơi. Anh biết rõ một khi đã nói ra sẽ không cách nào rút lại được.

“Có quá nhiều người mất tích,” Harry lên tiếng.

Hàng lông mày bên phải của Hagen nhướn lên. “Nói rõ hơn đi.”

“Sếp xem trang 6 ấy. Một danh sách phụ nữ trong độ tuổi từ hai mươi lăm đến năm mươi mất tích từ 1994 đến nay. Những người vẫn chưa được tìm thấy trong mười năm trở lại đây. Tôi đã trao đổi với Ban Tìm kiếm Người Mất tích, và họ cũng đồng ý. Thực sự là quá nhiều.”

“Quá nhiều so với cái gì?”

“So với trước đó. So với Đan Mạch và Thụy Điển. Và so với những nhóm nhân khẩu khác. Phụ nữ đã lập gia đình hoặc đang sống chung chiếm tỷ lệ áp đảo trong danh sách.”

“Phụ nữ thời nay độc lập hơn so với trước đây,” Hagen nói. “Nhiều người chọn cách sống riêng, tách khỏi gia đình, ra nước ngoài với bạn trai, có thể lắm. Điều đó hẳn cũng là yếu tố tác động đến số liệu thống kê. Thế thì có gì đáng nói đâu nào?”

“Phụ nữ Đan Mạch và Thụy Điển cũng độc lập hơn. Nhưng họ vẫn được tìm thấy đấy thôi.”

Hagen thở dài. “Nếu những số liệu này quá dị biệt, như cậu nói, vậy tại sao trước đây không ai phát hiện ra?”

“Vì số liệu Skarre thu thập được là tính trên cả nước, trong khi cảnh sát chỉ tập trung vào những vụ xảy ra tại địa bàn họ phụ trách. Trong sổ thống kê quốc gia về người mất tích ở Kripos có đến một ngàn tám trăm cái tên, nhưng đấy là tính tổng trong vòng năm mươi năm gần đây, gồm cả những vụ đắm tàu và tai nạn như vụ lật giàn khoan Alexander Kielland chẳng hạn. Mấu chốt nằm ở chỗ chưa ai xem xét trong phạm vi toàn quốc. Cho tới bây giờ.”

“Ừ thì thế, nhưng trách nhiệm của chúng ta không trải dài khắp cả nước, Harry ạ. Mà chỉ giới hạn trong Sở Cảnh sát Oslo thôi.” Hagen đập mạnh hai tay xuống như muốn ám chỉ cuộc hội kiến đến đây là kết thúc.

“Vấn đề là,” Harry nói và xoa cằm, “nó đã tới Oslo rồi.”

“Nó là cái gì?”

“Tối qua tôi tìm thấy điện thoại di động của Birte Becker bên trong người tuyết. Tôi cũng chưa rõ nó là gì, sếp ạ. Nhưng tôi cho rằng chúng ta cần phải điều tra ra. Thật nhanh.”

“Những số liệu đó đáng chú ý đấy,” Hagen nói, lơ đãng cầm lấy đốt xương của tiểu đội trưởng Yasuda và ấn ngón cái lên. “Tôi cũng biết rằng vụ mất tích mới nhất này có vài yếu tố đáng lo ngại. Nhưng chừng đó là chưa đủ. Vì thế, hãy trả lời xem: Thực sự vì lý do gì mà cậu yêu cầu Skarre viết báo cáo này?”